



ISO 9001 : 2008

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TÁC XÃ HỘI

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị cổ đông,
Công ty chúng ta vừa trải qua một năm đầy sóng gió và thử thách. Có thể nói, hoạt động kinh doanh của Công ty trong chín tháng đầu năm được xem là khá thuận lợi, nhưng lại đảo chiều gặp khó khăn vào ba tháng cuối năm.

Năm 2010, nền kinh tế thế giới được đánh giá là đã phục hồi nhưng chưa có chuyển biến mạnh do các bất ổn chính trị – tài chính tại một số nơi tác động đến giá vàng và giá dầu thô. Chịu sự ảnh hưởng của tình hình thế giới, nền kinh tế trong nước có những thời điểm rơi vào cơn sốt giá vàng, ảnh hưởng đến giá ngoại tệ, nhà đất, chứng khoán, ... đến Quý IV tình hình trở nên cực kỳ khó khăn khi giá dầu thô tăng cao, lãi suất vay tăng mạnh.

Các mặt hàng chính của Công ty như xăng dầu, sắt thép là những mặt hàng rất nhạy cảm với sự biến động của thị trường đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- ❖ Đối với mặt hàng xăng dầu, trong năm qua, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp kích cầu, mở rộng địa bàn bán buôn và bán lẻ đẩy sản lượng tiêu thụ tăng vượt trội. Tuy nhiên, lợi nhuận mặt hàng này chỉ đạt cao trong 03 Quý đầu, vào Quý IV giá dầu thế giới tăng cao nhưng giá bán lẻ trong nước không tăng theo chính sách bình ổn giá vào dịp Tết của Chính phủ nên hoa hồng đại lý rất thấp.
- ❖ Về mặt hàng sắt thép, trong năm 2010 các công trình xây dựng vẫn chưa triển khai nhiều nên dù đã tách bộ phận kinh doanh thép thành Công ty thành viên để tăng tính tự chủ nhưng sức tiêu thụ đối với mặt hàng sắt thép cũng chỉ đạt ở mức tương đối. Vào thời điểm cuối năm, giá thép có nhích lên đôi chút đã đem lại một phần lợi nhuận nhất định.
- ❖ Mảng kinh doanh điện máy của Công ty sau khi tách thành công ty thành viên đã phải tạm

chuyển địa điểm kinh doanh sang showroom ô tô trong thời gian xây dựng lại Trung tâm điện máy cùng với việc luôn phải cạnh tranh mạnh mẽ với những Siêu thị điện máy khác trên địa bàn hình thành trong thời gian gần đây đòi hỏi tập thể cán bộ nhân viên phải nỗ lực hết mình để duy trì được doanh số tương đương năm 2010.

- ❖ Hoạt động đầu tư của Công ty trong năm cũng đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể đã khánh thành đưa vào hoạt động thêm 02 Trạm xăng dầu, một tại huyện Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận và một tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nâng tổng số trạm xăng dầu thuộc sở hữu của Công ty và đồng sở hữu lên 18 trạm ; đã hoàn thành công trình showroom ô tô, trước mắt giao cho Siêu thị điện máy tạm sử dụng trong thời gian xây dựng lại Trung tâm Điện máy ; triển khai lập dự án đầu tư xin chủ trương thành phố đầu tư xây dựng một cụm chung cư phức hợp được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận. Ngoài ra đang xây dựng công trình Showroom Vật liệu xây dựng cao cấp và đã mua tài sản là hai căn nhà theo giá chỉ định của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua một năm tương đối khó khăn, kết quả đạt được tuy chưa mỹ mãn nhưng Công ty cũng cơ bản đã hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông thường niên đề ra.

Với những thành tích đạt được trong nhiều năm, Công ty đã vinh hạnh đạt Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2010 là giải thưởng có uy tín đối với các thương hiệu Việt Nam, ngoài ra Công ty tiếp tục được trao tặng Cúp vàng thương hiệu chứng khoán uy tín, và vẫn đứng trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Con đường trước mắt trong năm tới dự báo sẽ vẫn còn rất nhiều khó khăn, rất mong Quý vị cổ đông hãy sát cánh cùng với Ban Lãnh đạo Công ty để đưa hoạt động Công ty ngày một vững mạnh.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT



Ma Đức Tú



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- ✦ **Tên đơn vị:** Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức
- ✦ **Tên giao dịch quốc tế:** Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- ✦ **Tên viết tắt:** TIMEXCO
- ✦ **Trụ sở chính:** 231 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TPHCM
- ✦ **Điện thoại :** (84-8) 38.966.819 - Fax: (84-8) 38.963.210
- ✦ **Email:** timexcothuduc@hcm.vnn.vn
- ✦ **Website:** www.timexcothuduc.com.vn
- ✦ **Vốn Điều lệ:** 80.000.000.000 đồng
- ✦ **Mã Chứng khoán:** TMC
- ✦ **Sàn giao dịch:** HNX
- ✦ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001 : 2008

TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Các ngành hàng kinh doanh

- Tổng đại lý, bán buôn, bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ.
- Kinh doanh sắt thép xây dựng.
- Kinh doanh hàng kim khí điện máy (tivi, tủ lạnh, máy giặt, đầu máy, ..., dụng cụ gia đình).
- Kinh doanh, sửa chữa xe máy.
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi.



Mạng lưới kinh doanh

- 18 Trạm bán lẻ xăng dầu
- 01 Siêu thị kinh doanh điện máy
- 01 Cửa hàng kinh doanh xe máy
- 03 Cửa hàng kinh doanh sắt thép



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức tiền thân là Công ty Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Vật Tư Tổng Hợp Huyện Thủ Đức và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Thủ Đức theo Quyết định số 728/QĐ-UB-NCVX ngày 07/02/1995 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2000, Công ty được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 09/2000/QĐ-TTg ngày 17/01/2000 của Thủ tướng Chính Phủ về việc chuyển Công ty Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức thành công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty lúc cổ phần hoá là 14 tỷ đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 đăng ký lần đầu ngày 27/03/2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong đó phần vốn nhà nước tại công ty chiếm tỷ lệ 40%, còn lại là phần vốn góp của cán bộ công nhân viên và các cổ đông bên ngoài.

Tháng 08 năm 2002, Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu nâng vốn điều lệ của

Công ty lên 18 tỷ đồng nhằm mục đích cân đối lại nguồn vốn và đầu tư nâng cấp một số địa điểm kinh doanh. Trong đợt phát hành này, cổ đông Nhà nước đã mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp tục giữ phần vốn nhà nước tại công ty là 40% vốn điều lệ.

Tháng 07 năm 2004, thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 4081/UB-CNN ngày 15/07/2004 về việc tiếp tục bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước trong Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức, Công ty đã tiến hành tổ chức bán đấu giá thành công 40% vốn cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước.

Tháng 12 năm 2006, cổ phiếu Timexco với mã chứng khoán TMC đã chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 06/2009 chuyển sang sàn giao dịch tại Hà Nội.

Đến tháng 06 năm 2010, sau nhiều đợt phát hành theo hình thức thưởng cổ phiếu và phát hành thêm với giá ưu đãi cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ của Công ty đã nâng lên 80.000.000.000 đồng.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Kể từ khi cổ phần hóa vào năm 2000, Công ty đã không ngừng phát triển mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động cũng như các ngành hàng kinh doanh.

Ngành kinh doanh chủ lực của Công ty là xăng dầu và sắt thép. Số lượng các trạm xăng dầu tăng dần qua từng năm, từ 10 trạm vào năm 2000 đến nay mạng lưới kinh doanh công ty đã có 17 trạm xăng dầu, ngoài ra, còn 01 trạm xăng dầu liên doanh với đơn vị khác dưới hình thức Công ty TNHH hai thành viên. Địa bàn kinh doanh cũng không ngừng mở rộng ra các tỉnh lân cận cũng như các tỉnh Miền Đông và Miền Tây Nam bộ. Từ một số trạm xăng tập trung tại ba Quận Thủ Đức,

Quận 9, Quận 2, đến năm 2005 Công ty đã có trạm xăng tại tỉnh Bình Dương, năm 2008 đã đầu tư thêm trạm xăng tại tỉnh Tiền Giang và đến năm 2010 đã mở thêm trạm xăng tại tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đồng Nai.

Về địa điểm kinh doanh sắt thép, từ một điểm kinh doanh tại số 191 Quang Trung (nay là 740A Quốc lộ 52, Quận 9), đến nay Công ty đã mở thêm 02 địa điểm kinh doanh sắt thép trên địa bàn Quận Thủ Đức với kho hàng rộng rãi, sức chứa lớn.

Đối với mặt hàng điện máy, qua thời gian kinh doanh đã có uy tín tại khu vực, cửa hàng kinh doanh điện máy đã được Công ty không ngừng sửa chữa nâng cấp thành Siêu thị

Điện máy với mặt hàng ngày càng phong phú đa dạng về chủng loại, thương hiệu và trong năm 2010 đã được khởi công đầu tư xây dựng lại thành Trung tâm Điện máy với kinh phí 30 tỷ đồng.

Đồng thời, Công ty còn là đại lý độc quyền xe máy nhãn hiệu Honda, là địa điểm tin cậy của người tiêu dùng tại khu vực Quận Thủ Đức, Quận 9 và tỉnh Bình Dương nhiều năm qua. Công ty vừa thành lập một Trung tâm bảo dưỡng xe máy Honda tại khu vực trung tâm Chợ Thủ Đức để đáp ứng nhu cầu bảo trì sửa chữa xe máy Honda trong khu vực ngày một tăng cao.

Ngoài ra, các mặt bằng Công ty quản lý sử dụng đều được đưa vào các dự án đầu tư khai thác kinh doanh có hiệu quả.

Địa điểm tại 740 Quốc lộ 52, Quận 9 được Công ty đưa vào hợp tác với Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh

khai thác kinh doanh Siêu Thị Coop Mart Xa lộ Hà Nội, tạo được bộ mặt tại cửa ngõ Quận 9 và đáp ứng được nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng trong khu vực.

Địa điểm tại 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức được Công ty đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng để cho thuê đồng thời giữ lại một phần làm văn phòng làm việc của Công ty.

Trong tổ chức bộ máy, Công ty đã dần sắp xếp thành lập các bộ phận theo hướng chuyên môn hóa nhằm đạt hiệu quả kinh doanh tối ưu nhất. Công ty đã thành lập thêm Phòng Đầu tư tập trung vào mở rộng mạng lưới kinh doanh và đầu tư xây dựng dự án. Ngoài ra, mảng kinh doanh điện máy và mảng kinh doanh sắt thép của Công ty đã được nâng cấp thành những Công ty TNHH một thành viên do Công ty Timexco làm chủ sở hữu để tăng tính chủ động và hiệu quả kinh doanh của từng ngành hàng này.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trải qua nhiều năm kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, nguyên vật liệu, Công ty đã từng bước khẳng định được vị thế trong ngành và giữ vững được uy tín đối với khách hàng trong khu vực. Mặt dù đây là những mặt hàng giá cả nhạy cảm thường bị tác động lớn từ những biến động chính trị – kinh tế trên thế giới và trong nước nhưng Công ty vẫn xác định kinh doanh xăng dầu, sắt thép xây dựng là những ngành hàng chủ lực của Công ty, trong đó ngành hàng xăng dầu giữ vai trò quan trọng.

Ngoài ra, trong thời gian tới sẽ đẩy mạnh hơn nữa ngành hàng kim khí điện máy, xe máy để chiếm được thị phần lớn tại địa phương và khu vực lân cận.

Tiến tới đầu tư vào xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khu chung cư.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ mặt hàng xăng dầu, mở rộng mạng lưới phân phối xăng dầu, tìm kiếm thêm đại lý và đầu tư thêm trạm xăng ra các tỉnh lân cận khi có điều kiện. Mỗi năm Công ty phấn đấu đưa thêm 01 trạm xăng vào hoạt động.

- Ổn định và nâng cấp hệ thống cửa hàng kinh doanh sắt thép và kho lưu trữ.
- Nâng cấp địa điểm kinh doanh hàng kim khí điện máy thành siêu thị điện máy loại 1.
- Mở rộng kinh doanh mặt hàng xe máy và các dịch vụ hậu mãi.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Trở thành một trong những tổng đại lý xăng dầu hàng đầu khu vực Đông Nam bộ và là nhà phân phối, bán lẻ chuyên nghiệp các mặt hàng sắt thép, điện máy, xe máy hàng đầu khu vực miền Đông Nam bộ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010

Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Hai mặt hàng chủ lực của Công ty là xăng dầu và sắt thép xây dựng.

Xăng dầu vốn là mặt hàng vật tư thiết yếu cả trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh. So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, thì thị phần và thị trường của Timexco chỉ khiêm tốn. Nếu tính riêng tại TP. Hồ Chí Minh thì hiện có khoảng 150 doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ xăng dầu như Petrolimex, SaiGon Petro, Comeco, Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn, Timexco.... trong đó riêng Petrolimex và Saigon Petro đã chiếm khoảng 30% điểm bán lẻ.

Xác định được mục tiêu của công ty là trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhà nhập khẩu xăng dầu, Timexco đã xây dựng được mạng lưới khá rộng và đầy đủ chủ yếu tập trung tại các Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương và sau này đã phát triển thêm ra các Tỉnh Tiền Giang, Bình Thuận, Đồng Nai. Riêng tại địa bàn Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức, Timexco đang sở hữu 12 trạm xăng/tổng số khoảng 40 cây xăng của khu vực, bình quân mỗi trạm xăng tiêu thụ khoảng 8.000 – 10.000 lít/ngày.

Tốc độ tăng trưởng cao của khu vực Đông Nam Bộ trong đó có thành phố Hồ Chí Minh là nhân tố ảnh hưởng lớn đến sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của cả khu vực Đông Nam Bộ và cả nước. Timexco với mạng lưới kinh doanh xăng dầu nằm trên địa bàn Đông Nam Bộ sẽ có rất nhiều cơ hội trong việc phát triển và mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Nhìn chung, triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu của cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng là rất khả quan. Đối với Timexco, thì thị trường phân phối xăng dầu của Timexco chủ yếu tại phía Đông Sài Gòn và tỉnh Bình Dương. Các trạm xăng dầu này có vị trí thuận lợi, mặt bằng rộng rãi, đồng thời là cửa ngõ phía Đông Bắc của thành phố Hồ Chí Minh, nơi tập trung các đường quốc

lộ quan trọng. Trong tương lai, cùng với chính sách đô thị hoá Thành phố Hồ Chí Minh, mật độ dân cư của các quận này ngày càng cao là triển vọng phát triển cho hoạt động kinh doanh xăng dầu của Timexco.

Về thép xây dựng, hiện nay, Tổng Công ty Thép Việt Nam (Vietnam Steel Corp) cùng với Công ty Thép Việt – Nhật (VinaKyoeei Steel LTD) và Công ty Thép Pomina (Pomina Steel Mill) chiếm khoảng 80% thị phần thép xây dựng tại thị trường Miền Nam, và chiếm khoảng 60% thị phần thép xây dựng của cả nước. Timexco là nhà phân phối chính thức của 02 nhà sản xuất lớn là Tổng Công ty Thép Việt Nam và Công ty Thép Việt - Nhật nên mặt hàng thép xây dựng được Timexco tiêu thụ rất tốt vì sản phẩm này đã được thị trường tín nhiệm. Thép xây dựng của 02 nhà sản xuất này rất đa dạng sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của thị trường từ nhu cầu xây dựng dân dụng thông thường đến các công trình xây dựng đòi hỏi chất lượng cao như nhà cao tầng, cầu đường, hầm... Dựa vào doanh thu hàng năm của Timexco có thể ước chừng thị phần của Timexco hiện nay vào khoảng 0,6% thị phần cả nước.

Cùng với tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế và xu hướng phát triển chung của xã hội, thu nhập của người dân trong nước ngày càng được cải thiện, sự gia tăng nhu cầu xây dựng các công trình cao ốc, xây dựng nhà xưởng và nhà ở là tất yếu trong dài hạn. Vì vậy sức tiêu thụ ngành vật liệu xây dựng nói chung và ngành thép xây dựng nói riêng tại Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục phát triển ổn định.

Tình hình thế giới

Nhìn chung kinh tế thế giới đang thoát ra khỏi khủng hoảng nhưng chưa thực sự có những chuyển biến mạnh mẽ và vững chắc, hiện đang có dấu hiệu chững lại. Một số quốc gia có dấu hiệu bất ổn về kinh tế tài chính : Châu Âu chao đảo vì khủng hoảng nợ, căng thẳng gia tăng trên bán đảo Triều Tiên, . . .

Tình hình chính trị tại một số khu vực trên thế giới diễn biến phức tạp ảnh hưởng giá dầu thô biến động tăng cao vào thời điểm cuối năm.

Tình hình trong nước

Năm 2010, kinh tế - xã hội nước ta trên đà phục hồi nhanh và phát triển theo hướng tích cực với tốc độ tăng trưởng tương đối ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, tuy vậy vẫn còn gặp một số khó khăn.

Trước tình hình giá thế giới biến động, giá cả đầu vào nhiều loại nguyên liệu tăng bất thường, mức lạm phát trong nước tăng nhất là ba tháng cuối năm.

Năm 2010 cũng là năm đầy biến động với việc bùng nổ cơn sốt lãi suất huy động với việc chạy đua tăng lãi suất của các ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh, xử lý. Năm 2010 cũng là năm thị trường vàng có những cơn sốt. Từ Quý III/2010, giá vàng trong nước bắt đầu tăng mạnh, gây ảnh hưởng dây chuyền đến các thị trường khác như giá ngoại tệ, nhà đất và chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh Công ty chịu tác động trực tiếp trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và trong nước. Vào cuối Quý IV, giá dầu thô biến động tăng mạnh, ở ngưỡng trên dưới 90USD/thùng. Chính phủ đã phải áp dụng nhiều biện pháp như (mở quỹ bình ổn giá, giảm thuế suất thuế nhập khẩu) giúp các doanh nghiệp nhập khẩu xăng dầu giảm lỗ nhằm giữ nguyên giá bán xăng dầu trong nước để ổn định giá các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu vào dịp cuối năm. Do vậy vào thời điểm cuối năm 2010, hoa hồng mặt hàng xăng dầu chỉ còn khoảng 200 đồng/lít.

Do ảnh hưởng của giá vàng và tỷ giá ngoại

tệ, giá thép đã tăng bình quân 700đ/kg trong Quý IV/2010 tuy đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp nhưng đã làm giảm sức mua của người tiêu dùng nên sản lượng tiêu thụ thép chỉ ở mức khiêm tốn.

Kết quả kinh doanh

Trong năm 2010, dù tình hình kinh doanh khá khó khăn đặc biệt là vào Quý IV nhưng kết quả kinh doanh của Công ty tương đối khả quan, các chỉ tiêu hầu như đều đạt và vượt kế hoạch.

Về doanh thu, Công ty đã đề ra nhiều biện pháp thu hút khách hàng như chính sách về giá cả, tăng chất lượng phục vụ, đề ra các chương trình khuyến mãi, tìm kiếm khách hàng mới nên năm 2010 toàn Công ty đạt doanh thu 1.651,6 tỷ đồng đạt 110,1% kế hoạch năm.

Về sản lượng, các mặt hàng cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch như xăng dầu đạt 88,63 triệu lít (đạt 108,08%), xe máy đạt 3.509 chiếc (đạt 100,25%), mặt hàng điện máy doanh thu đạt 109,14 tỷ đồng. Riêng mặt hàng sắt thép xây dựng, trong năm có hai mùa thấp điểm là Tết Âm lịch và tháng Bảy Âm lịch cùng với thời gian qua giá thép biến động, người tiêu dùng còn e dè nên sản lượng thép chưa đạt (chiếm 94,17% kế hoạch năm).

Về lợi nhuận, trong năm 2010, hoa hồng xăng dầu đạt mức cao 03 Quý đầu năm và đảo chiều giảm mạnh vào 03 tháng cuối năm do giá dầu thế giới tăng cao ; đối với sắt thép lợi nhuận có khá hơn vào 02 tháng cuối năm do giá thép tăng đã bù đắp được phần nào lợi nhuận xăng dầu bị giảm nhưng không đáng kể. Do vậy, tổng lợi nhuận trước thuế năm 2010 là 29,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch không đáng kể (đạt 101,7% so với kế hoạch)

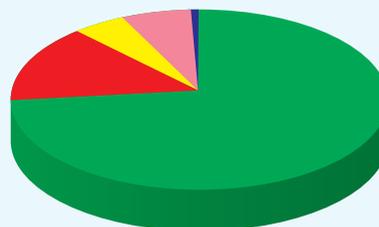
Các chỉ tiêu cụ thể:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | KH 2010 | TH 2010 | % TH/KH |
|---|-----------|---------|---------|---------|
| 1. Doanh số bán ra | Tỷ đồng | 1.500 | 1.651,6 | 110,1 |
| 2. Mặt hàng chủ yếu | | | | |
| - Xăng, diesel | 1.000 lít | 82.000 | 88.630 | 108,08 |
| - Sắt thép xây dựng | Tấn | 18.000 | 16.951 | 94,17 |
| - Xe máy | chiếc | 3.500 | 3.509 | 100,25 |
| - Điện máy | tỷ đồng | | 109,14 | |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 29 | 29,5 | 101,7 |
| 4. Tiền lương bình quân đầu người/tháng | 1.000đ | 5.586 | 5.347 | 95,72 |
| 5. Cổ tức | % | 16 | 16 (*) | 100 |

(*) Dự kiến trình ra Đại hội cổ đông thông qua

PHÂN TÍCH DOANH THU CÁC MẶT HÀNG CHỦ YẾU

| | | |
|---------------------------------|------------------|----------|
| Xăng, diesel | 1.207,53 tỷ đồng | (73,11%) |
| Sắt thép xây dựng | 241,34 tỷ đồng | (14,61%) |
| Xe máy | 81,21 tỷ đồng | (4,91%) |
| Hàng điện máy, đồ dùng gia đình | 109,14 tỷ đồng | (6,60%) |
| Ngành hàng khác | 12,38 tỷ đồng | (0,74%) |



- Xăng dầu
- Sắt thép
- Xe máy
- Hàng điện máy
- Ngành hàng khác

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2010

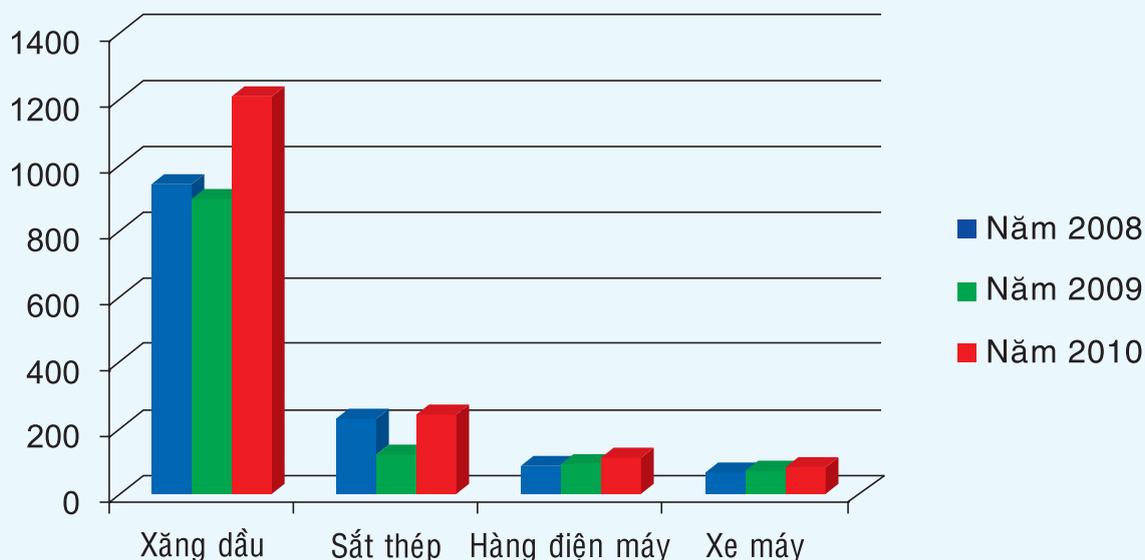
Khả năng sinh lời

| | |
|--|---------|
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu : | 1,79 % |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu : | 1,35 % |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản : | 7,51 % |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản : | 5,68 % |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu : | 16,77 % |

Khả năng thanh toán

| | |
|-----------------------------------|----------|
| Khả năng thanh toán hiện hành : | 1,51 lần |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : | 1,07 lần |
| Khả năng thanh toán nhanh : | 0,07 lần |

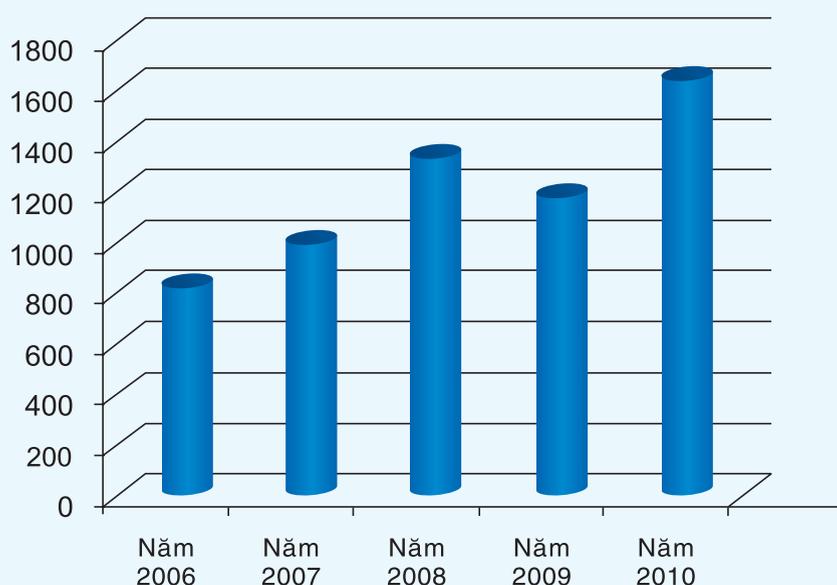
BIỂU ĐỒ DOANH THU CÁC MẶT HÀNG CHÍNH 03 NĂM (TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2010)



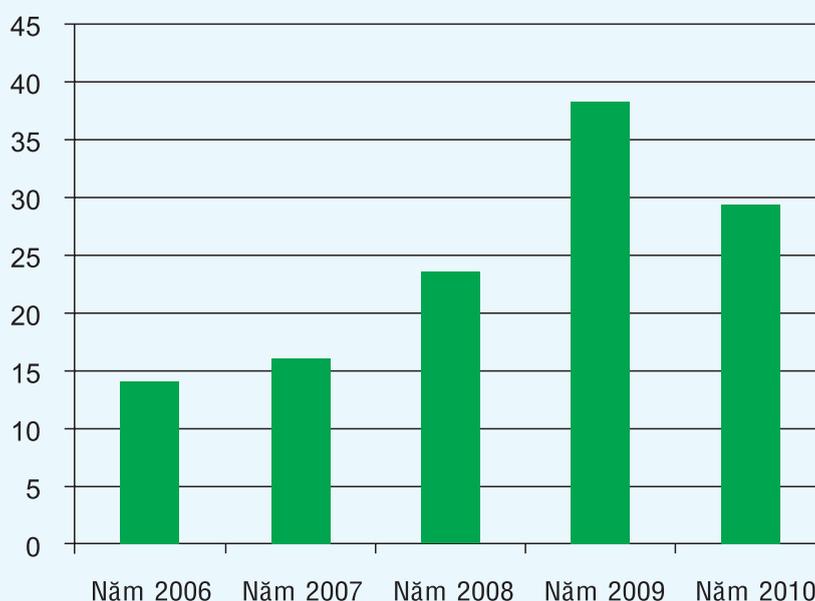
TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH 05 NĂM (TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010)

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 |
|----------------------|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 830 | 1.000 | 1.339,6 | 1.184 | 1.651,6 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 14,3 | 16,16 | 23,6 | 38,5 | 29,5 |
| Thu nhập bình quân | 1.000 đ | 4.235 | 4.090 | 5.361 | 7.948 | |
| Cổ tức | % | 16 | 15 | 19 | 18 | |

Biểu đồ doanh thu



Biểu đồ lợi nhuận



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

■ Trong năm Công ty đã thực hiện một số dự án sau :

Tòa nhà TMC tại địa chỉ 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TPHCM tổng trị giá đầu tư 18 tỷ đồng đã hoàn tất đưa vào kinh doanh, văn phòng làm việc và địa chỉ trụ sở chính của Công ty được dời về đây từ tháng 04/2010.

Dự án Siêu thị Điện Máy 30/4 tại địa điểm số 01 Dương Văn Cam, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TPHCM đã hoàn thành đấu thầu lựa chọn đơn vị thi công và đã khởi công xây dựng trong Quý IV/2010, kinh phí khoảng 30 tỷ đồng.

Đã hoàn tất công trình showroom tại địa điểm số 746 Kha Vạn Cân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TPHCM. Siêu thị Điện máy tạm thời dời về showroom này trong thời gian xây dựng mới. Vào ngày 11/11/2010, Công ty đã tổ chức lễ Khai trương Siêu thị Điện máy tại đây.

Địa điểm số 38 Đặng Văn Bi đã lên thiết kế để xây dựng thành một showroom vật liệu xây dựng cao cấp.

Trạm xăng dầu số 18 tại xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tổng trị giá đầu tư 11 tỷ đồng đã đưa vào hoạt động vào cuối tháng 5/2010.

Trạm xăng dầu Số 14 tại xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tổng trị giá đầu tư 5,5 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào hoạt động trong Quý IV/2010.

Vừa qua, Công ty đã mua thêm quyền sử dụng một phần diện tích đất tiếp giáp Trạm xăng dầu Số 5 tại đường Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TPHCM để mở rộng làm tăng giá trị và quy mô của trạm, đã tiến hành cải tạo sửa mở rộng Trạm.

Ngoài ra, Công ty cũng đã mua nhà số 32 Lê Văn Ninh, Quận Thủ Đức theo giá chỉ định của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

♦ Trong công tác quản lý, đã nâng cấp Cửa hàng Kinh doanh 30/4 thành Công ty TNHH Một thành viên chuyên kinh doanh mặt hàng kim khí điện máy và đồ dùng gia đình nhằm tăng tính hiệu quả kinh doanh của từng ngành hàng, đã chính thức hoạt

động từ 01/06/2010.

- ♦ Tiếp theo đó, để nâng tính chủ động của mảng kinh doanh sắt thép, Công ty tiến hành nâng cấp Phòng Kinh doanh sắt thép thành Công ty TNHH MTV chuyên kinh doanh thép và vật liệu xây dựng, chính thức hoạt động từ 01/10/2010.
- ♦ Về vốn, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, vừa qua công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo hình thức thưởng cổ phiếu và phát hành thêm với giá ưu đãi, nâng vốn điều lệ Công ty lên 80.000.000.000 đồng.

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2010

Trong năm qua, Công ty đã vinh hạnh đoạt Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2010 dựa trên những tiêu chí để xét chọn gồm : tính minh bạch, tốc độ tăng trưởng doanh số, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, số lao động, mức đóng góp ngân sách, đóng góp từ thiện xã hội và năng lực quản lý – khả năng kiểm soát rủi ro...



Ngoài ra, trong năm 2010 Công ty cũng đã đoạt Cúp Thương hiệu chứng khoán uy tín và được xếp trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam.

Với những kết quả đạt được trong thời gian qua, Công ty đang gửi hồ sơ đề nghị được tặng thưởng Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ.

Về hoạt động đoàn thể, trong năm 2010 Đảng bộ Công ty đã đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” ; Công đoàn và chi đoàn Công ty đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

Dự báo tình hình 2011

Như Chính phủ Việt Nam nhận định, tình hình trong nước và quốc tế năm 2011 đã xuất hiện những khó khăn, thách thức mới, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn kinh tế vĩ mô. Kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chậm lại và chưa ổn định; lạm phát tăng cao, giá lương thực, thực phẩm, dầu thô và nguyên vật liệu cơ bản tiếp tục tăng. Khủng hoảng chính trị ở Bắc Phi và Trung Đông; thiệt hại nặng nề do động đất và sóng thần ở Nhật Bản ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội khu vực và toàn cầu

Phương hướng chung

Tiếp tục đặt trọng tâm vào các mặt hàng chủ lực của Công ty; đẩy mạnh hơn nữa kinh doanh ngành hàng xăng dầu như mở rộng địa bàn tiêu thụ; củng cố phát triển ngành sắt thép bằng cách tìm kiếm thêm thị trường mới đồng thời đổi mới phương thức bán hàng để tăng sản lượng; triển khai các dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua và lên dự án đầu tư mới.

Các chỉ tiêu kinh tế tài chính

Doanh thu và sản lượng các mặt hàng trong năm 2011 phấn đấu đạt tương đương thực hiện trong năm 2010, riêng đối với mặt hàng điện máy, trong năm 2011 Công ty xây dựng lại Siêu thị 30/04, siêu thị điện máy tạm thời dời về địa điểm khác kém thuận lợi hơn, dẫn đến việc kinh doanh bị ảnh hưởng nên sản lượng tiêu thụ mặt hàng này có thể sẽ giảm.

Về lợi nhuận, mảng kinh doanh chính của Công ty là xăng dầu, lợi nhuận mặt hàng xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong kết quả lợi nhuận Công ty. Năm 2011 dự báo tình hình kinh doanh xăng dầu tiếp tục khó khăn, hoa hồng xăng dầu vẫn thấp nên khó có thể đạt được kết quả như năm 2010. Do vậy đặt kế hoạch lợi nhuận giảm so với thực hiện năm 2010.

- Doanh số bán ra : 1.650 tỷ đồng
- Sản lượng các mặt hàng chủ yếu :
- Xăng dầu : 84.000 m³

- Sắt thép : 18.000 tấn
- Xe máy : 3.600 chiếc
- Hàng điện tử : 95 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 26 tỷ đồng
- Lương bình quân : 5.469.000 đồng/tháng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 16%/năm

(Xem bảng kế hoạch chi tiết tại trang 12 và 13)

Các dự án đầu tư

- Tiếp tục thi công Trung tâm điện máy 30/4.
- Hoàn thành công trình showroom tại số 38 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức.
- Tiến hành các thủ tục để thực hiện dự án Cụm Chung cư tại số 27, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức.
- Thực hiện thủ tục xin mua hóa giá nhà số 05 Dương Văn Cam, Quận Thủ Đức theo giá chỉ định của Sở Tài Chính Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Triển khai dự án đầu tư công trình tại nhà số 32 Lê Văn Ninh, Quận Thủ Đức

Các biện pháp quản lý khác

- Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn mới ISO 9001: 2008.
- Tăng cường công tác quản lý về nhân sự và nghiệp vụ tại các Trạm xăng dầu.
- Đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ tại các Phòng nghiệp vụ, Trạm xăng dầu, Cửa hàng và các mặt bằng cho thuê.
- Thực hiện kế hoạch hỗ trợ kinh phí đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành cho những cán bộ nhân viên trẻ có năng lực.
- Thực hiện kế hoạch tuyển dụng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cán bộ nhân viên đáp ứng nhu cầu hoạt động ngày càng lớn mạnh của Công ty.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011

ĐVT: 1,000Đ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | TỈ LỆ % | KẾ HOẠCH | Tỉ lệ % |
|------------------------------------|---|-------------------|-------------------|---------------|-------------------|--------------|
| | | Năm 2010 | Năm 2010 | TH/KH | Năm 2011 | /TH 2010 |
| A KẾ HOẠCH KINH DOANH | | | | | | |
| I | Tổng doanh thu | 1,500,000,000 | 1,651,604,607 | 110.11 | 1,650,000,000 | 99.90 |
| II SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ | | | | | | |
| (Các mặt hàng kinh doanh chủ yếu) | | | | | | |
| 1. | Xăng , Dầu Diesel (1,000lít) | 82,000 | 88,630 | 108.09 | 90,000 | 101.55 |
| 2. | Xe máy (Chiếc) | 3,500 | 3,509 | 100.26 | 3,600 | 102.59 |
| 3. | Sắt thép (tấn) | 18,000 | 16,951 | 94.17 | 18,000 | 106.19 |
| 4. | Hàng điện tử (tỷ đồng) | 110 | 109.00 | 99.09 | 95 | 87.16 |
| 5. | Dịch vụ (Tỷ đồng) | 2.80 | 10.22 | 365.00 | 4.70 | 45.99 |
| B CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | | | | |
| 1 | Doanh thu thuần | 1,500,000,000 | 1,651,604,607 | 110.11 | 1,650,000,000 | 99.90 |
| 2 | Giá vốn bán hàng | 1,436,500,000 | 1,576,866,473 | 109.77 | 1,574,000,000 | 99.82 |
| 3 | Lãi gộp | 63,500,000 | 74,738,134 | 117.70 | 76,000,000 | 101.69 |
| 4 | Thu nhập tài chính | 6,000,000 | 4,998,649 | 83.31 | 5,000,000 | 100.03 |
| | - Trong đó: Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2,000,000 | 1,582,668 | 79.13 | 1,600,000 | 101.10 |
| 5 | Chi phí tài chính | 8,000,000 | 10,908,943 | 136.36 | 14,000,000 | 128.34 |
| 6 | Chi phí bán hàng | 27,000,000 | 32,329,390 | 119.74 | 33,000,000 | 102.07 |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 7,500,000 | 8,650,909 | 115.35 | 9,000,000 | 104.04 |
| 8 | Lợi nhuận thuần hoạt động KD | 27,000,000 | 27,847,541 | 103.14 | 25,000,000 | 89.77 |
| 9 | Thu nhập khác | 2,000,000 | 1,664,379 | 83.22 | 1,000,000 | 60.08 |
| 10 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 29,000,000 | 29,511,920 | 101.77 | 26,000,000 | 88.10 |
| 11 | Thuế thu nhập DN phải nộp | 6,750,000 | 7,052,334 | 104.48 | 6,100,000 | 86.50 |
| 12 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | 623,944 | | | |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế | 22,250,000 | 21,835,642 | 98.14 | 19,900,000 | 91.14 |
| 14 | LN chia cho bên hợp tác - liên doanh | 1,000,000 | 878,727 | 87.87 | 800,000 | 91.04 |
| 15 | Lợi nhuận ròng | 21,250,000 | 20,956,915 | 98.62 | 19,100,000 | 91.14 |
| 16 | Lãi cơ bản một cổ phiếu | 3,188 | 2,858 | 89.66 | 2,388 | 83.54 |
| C PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN (*) | | | | | | |
| 1 | Trích quỹ đầu tư (5%) | 1,062,500 | 1,047,846 | 98.62 | 955,000 | 91.14 |
| 2 | Trích quỹ dự phòng tài chính (5%) | 1,062,500 | 1,047,846 | 98.62 | 955,000 | 91.14 |
| 3 | Trích quỹ khen thưởng - PL(15%) | 3,187,500 | 3,143,537 | 98.62 | 2,865,000 | 91.14 |
| 4 | Thù lao HĐQT - BKS Ngoài DN | 318,750 | 390,250 | 122.43 | 314,000 | 80.46 |

| | | | | | | |
|---------------------------------|---|-------------------|-------------------|---------------|-------------------|---------------|
| 5 | Thưởng HĐQT- BKS ,BTGD | 100,000 | 129,200 | 129.20 | 100,000 | 77.40 |
| 6 | Chi phí khác sau thuế | | 32,378 | | | |
| 7 | Lợi nhuận chia cổ tức | 12,800,000 | 12,799,909 | 100.00 | 12,800,000 | 100.00 |
| 8 | Cổ phiếu lưu hành bình quân (**) | 6,666,667 | 7,333,286 | 110.00 | 8,000,000 | 109.09 |
| 8 | Lợi nhuận tích lũy tăng vốn | 2,718,750 | 2,365,949 | 87.02 | 1,111,000 | 46.96 |
| 9 | Tỉ lệ % chia cổ tức | 16.00 | 16.00 | 100.00 | 16.00 | 100.00 |
| D LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG | | | | | | |
| 1 | Tổng quỹ lương | 19,300,000 | 19,107,387 | 99.00 | 18,800,000 | 98.39 |
| 2 | Tỉ lệ tiền lương(Tổng DT-Tổng CP-QL)** | 40.0 | 39.3 | 98.35 | 42.0 | 100.00 |
| 3 | Lao động bình quân | 280 | 263 | 93.93 | 310 | 117.87 |
| 4 | Lương bình quân | 5,586 | 6,054 | 108.38 | 5,054 | 83.47 |
| 5 | Tổng thù lao HĐQT - BKS | 531,250 | 545,800 | 102.74 | 477,500 | 87.49 |
| 6 | Tỉ lệ % thù lao trên lợi nhuận ròng | 2.5 | 2.50 | 100.00 | 2.5 | 100.00 |
| E NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | | 12,087,500 | 11,212,246 | 92.76 | 13,963,000 | 124.53 |
| 1 | Thuế GTGT | 4,762,500 | 2,313,340 | 48.57 | 6,080,000 | 262.82 |
| 2 | Thuế TNDN | 6,750,000 | 7,052,334 | 104.48 | 6,100,000 | 86.50 |
| 3 | Thuế môn bài | 30,000 | 29,000 | 96.67 | 33,000 | 113.79 |
| 4 | Thuế TNCN | 320,000 | 1,093,342 | 341.67 | 1,000,000 | 91.46 |
| 5 | Thuế khác và tiền thuê đất | 225,000 | 724,230 | 321.88 | 750,000 | 103.56 |

Ghi chú : (*) Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ thông qua kế hoạch 2011 và phân phối lợi nhuận 2010.

(**) Tỉ lệ tiền lương=Lương/Tổng DT - TCP chưa có lương và thuế TNDN

TP . Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010

(Đã Được Kiểm Toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Q. Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27/03/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626, thay đổi lần thứ 11, ngày 01/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2010 là 80.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 231 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM.

Tổng số các công ty con: 2 công ty.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết được hợp nhất: không thực hiện hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất:

1. Công Ty TNHH Một Thành Viên Ba Mươi Tháng Tư: Tiền thân là Cửa hàng 30/4 trực thuộc Công Ty CP Thương Mại XNK Thủ Đức, được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0309936059 cấp ngày 12/04/2010 với vốn Điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 VND (đến 31/12/2010 vốn đã được góp đủ theo đăng ký).

+ Địa chỉ: 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

2. Công Ty TNHH Một Thành Viên Thép TMC: Tiền thân là bộ phận kinh doanh sắt thép của Công Ty CP Thương Mại XNK Thủ Đức, được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310303614 cấp ngày 09/08/2010 với vốn Điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 VND (đến 31/12/2010 vốn đã được góp đủ theo đăng ký).

+ Địa chỉ: 740 A, quốc lộ 52, KP 2, phường Hiệp Phú, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty liên kết

- Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Song Đức

‘Được thành lập theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1125/HĐ-HTĐT ngày 28/08/2008 được ký giữa Công ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức (tỷ lệ 51 % vốn) và Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức (tỷ lệ 49 % vốn). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số :

4102065953 cấp ngày 22/12/2008.

+ Địa chỉ: 139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 49%.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 21.835.641.998 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 19.367.458.569 VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

| | |
|------------------------|--------------|
| Ông : Ma Đức Tú | Chủ tịch |
| Bà : Nguyễn Thị Năm | Phó Chủ tịch |
| Ông : Nguyễn Mạnh Thảo | Thành viên |
| Ông : Dương Xuân Phát | Thành viên |
| Ông : Hoàng Đình Sơn | Thành viên |

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

| | |
|-------------------------|-------------------|
| Ông : Ma Đức Tú | Tổng Giám đốc |
| Bà : Nguyễn Thị Năm | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông : Đặng Quế Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông : Nguyễn Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|--------------------------|----------------------|
| Bà : Nguyễn Ngọc Đan Tâm | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông : Phạm Ngọc Minh | Thành viên BKS |
| Ông : Phạm Phát Thành | Thành viên BKS |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán

và các qui định có liên quan hiện hành.

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công Ty Cổ Phần Thương Mại XNK Thủ Đức** phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010, kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

TP. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ma Đức Tú

TP. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Ma Đức Tú

Số : 125/2011/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2010
của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức

Kính gửi: - Cổ đông Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu **Thủ Đức** được lập ngày 24/02/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010 của Công Ty TNHH TMDV Song Đức (công ty liên kết) vừa mới đưa vào hoạt động nên chưa xác định kết quả kinh doanh đầy đủ, đúng đắn. Do đó, chúng tôi không thực hiện hợp nhất theo vốn chủ sở hữu đối với Công Ty TNHH TMDV Song Đức vào báo cáo tài chính hợp nhất này và sẽ chuyển sang năm sau thực hiện.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa
Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 249,072,509,771 | 174,311,680,090 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1 | 17,426,387,185 | 16,801,715,425 |
| 1. Tiền | 111 | | 17,426,387,185 | 16,801,715,425 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 2 | 13,092,256,370 | 6,231,886,595 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 16,883,632,643 | 9,464,371,139 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | 129 | | (3,791,376,273) | (3,232,484,544) |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 56,596,687,891 | 23,179,941,514 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 47,764,014,371 | 19,207,904,761 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 8,442,262,472 | 3,939,193,554 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | 3 | 390,411,048 | 32,843,199 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*) | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 4 | 145,982,344,927 | 112,514,600,072 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 145,982,344,927 | 112,743,421,594 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | (228,821,522) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 15,974,833,398 | 15,583,536,484 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 95,137,400 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 154 | 5 | 5,609,695,998 | 4,976,576,484 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 6 | 10,270,000,000 | 10,606,960,000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260+270) | 200 | | 126,234,774,170 | 96,442,983,994 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 3. Phải thu nội bộ dài hạn | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 62,600,945,786 | 54,072,185,807 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 19,487,920,716 | 17,943,237,069 |
| - Nguyên giá | 222 | | 39,083,657,902 | 37,364,648,676 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (19,595,737,186) | (19,421,411,607) |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 8 | 37,180,499,866 | 17,971,148,352 |
| - Nguyên giá | 228 | | 38,471,820,069 | 18,698,201,866 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (1,291,320,203) | (727,053,514) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 9 | 5,932,525,204 | 18,157,800,386 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 10 | 32,519,821,172 | 8,255,868,033 |
| - Nguyên giá | 241 | | 33,570,401,762 | 8,627,079,003 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 242 | | (1,050,580,590) | (371,210,970) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 11 | 31,111,110,195 | 33,488,089,387 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 11.1 | 17,640,000,000 | 15,552,460,242 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 11.2 | 15,288,648,625 | 20,453,614,145 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 259 | 11.3 | (1,817,538,430) | (2,517,985,000) |
| V. Lợi thế thương mại | 260 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 270 | | 2,897,017 | 626,840,767 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 271 | | - | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 272 | | 2,897,017 | 626,840,767 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 273 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200) | 280 | | 375,307,283,941 | 270,754,664,084 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 242,774,057,107 | 171,224,556,088 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 231,888,641,609 | 170,930,805,888 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 12 | 125,978,956,175 | 76,843,094,045 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 81,165,511,981 | 66,037,646,755 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 8,965,083,794 | 7,906,224,485 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 13 | 1,819,619,095 | 5,131,014,203 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 8,191,024,011 | 11,867,417,730 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 14 | 112,394,443 | 109,232,258 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 15 | 2,467,205,515 | 1,381,126,425 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | 16.5 | ,188,846,595 | 1,655,049,987 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 10,885,415,498 | 293,750,200 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 98,382,844 | 117,979,300 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 159,759,922 | 175,770,900 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 10,627,272,732 | |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | | |
| B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430) | 400 | 16 | 132,533,226,834 | 99,530,107,996 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 132,533,226,834 | 99,530,107,996 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 80,000,000,000 | 40,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 27,570,929,000 | 17,569,949,000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu ngân quỹ | 414 | | (570,000) | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 948,090 | 800,603 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1,528,013,448 | 1,902,262,528 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 4,066,447,727 | 4,066,447,727 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 19,367,458,569 | 35,990,648,138 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| C. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 440 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (450 = 300 + 400 + 440) | 450 | | 375,307,283,941 | 270,754,664,084 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--|-------------|---------------|---------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | 3,240,658,580 | 3,052,915,900 |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | | |
| - USD | | | 530.93 |
| - EUR | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Xương

Kế toán trưởng



Viên Thiên Khanh

Tổng Giám đốc



Ma Đức Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm 2010 | Năm 2009 |
|---|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 17.1 | 1,651,604,607,234 | 1,184,280,852,480 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | 38,359,090 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1,651,604,607,234 | 1,184,242,493,390 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 18 | 1,576,866,473,190 | 1,113,732,986,958 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 74,738,134,044 | 70,509,506,432 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 17.2 | 4,998,649,692 | 4,753,071,146 |
| 7. Chi phí tài chính | 19 | 10,908,943,496 | 2,392,167,655 |
| + Trong đó: chi phí lãi vay | | 10,621,331,190 | 5,142,004,624 |
| 8. Chi phí bán hàng | | 32,329,389,772 | 35,683,634,950 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 8,650,909,382 | 7,055,294,849 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 27,847,541,086 | 30,131,480,124 |
| 11. Thu nhập khác | 17.3 | 2,613,396,924 | 10,615,481,028 |
| 12. Chi phí khác | 20 | 949,018,329 | 1,572,776,404 |
| 13. Lợi nhuận khác | | 1,664,378,595 | 9,042,704,624 |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 29,511,919,681 | 39,174,184,748 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 21 | 7,052,333,933 | 7,975,183,398 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 22 | 623,943,750 | (618,290,696) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 21,835,641,998 | 31,817,292,046 |
| <i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i> | | | |
| <i>Chia cho bên hợp tác kinh doanh</i> | | 878,727,039 | 1,257,023,077 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | | 20,956,914,959 | 30,560,268,969 |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 24 | 2,858 | 7,640 |

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Xương

Kế toán trưởng



Viên Thiên Khanh

Tổng Giám đốc



Ma Đức Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp) Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm 2010 | Năm 2009 |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 1,842,363,344,424 | 1,288,401,335,441 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (1,445,421,226,062) | (1,051,290,061,276) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (23,844,415,336) | (19,512,139,327) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | | (10,240,239,886) | (5,597,912,886) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | | (10,395,516,653) | (2,507,373,929) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 315,118,555,342 | 279,580,679,061 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (300,050,880,366) | (272,257,600,349) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 367,529,621,463 | 216,816,926,735 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (17,660,364,172) | (9,678,675,909) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (19,695,753,248) | (5,146,344,740) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 17,213,943,307 | 5,345,308,879 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (17,177,539,758) | (2,580,065,394) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 5,455,318,068 | 3,229,652,659 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (31,864,395,803) | (8,830,124,505) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 44,358,380,000 | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (65,000,000) | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 16,474,443,495 | 9,922,596,445 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (383,188,581,365) | (203,566,197,300) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (12,619,796,030) | (7,200,000,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (335,040,553,900) | (200,843,600,855) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 624,671,760 | 7,143,201,375 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 16,801,715,425 | 9,658,514,050 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | | 17,426,387,185 | 16,801,715,425 |

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Xương

Kế toán trưởng



Viên Thiên Khanh



Ngày 24 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Ma Đức Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1,241,841,553 | 1,670,548,330 |
| Tiền gửi ngân hàng | 16,184,545,632 | 15,131,167,095 |
| <i>Tiền gửi VND</i> | 16,184,545,632 | 15,121,363,472 |
| <i>Tiền gửi ngoại tệ</i> | - | 9,803,623 |
| Ghi chú: | | |
| - Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 khớp với biên bản kiểm kê thực tế. | | |
| - Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2010 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng. | | |
| Tổng cộng | 17,426,387,185 | 16,801,715,425 |

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| 2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 16,883,632,643 | 9,464,371,139 |
| + CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu) | 122,000,000 | - |
| <i>Công Ty CP Cơ Điện Lạnh (52 TP)</i> | 52,000,000 | |
| <i>Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức (700 TP)</i> | 70,000,000 | |
| + CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu) | 16,761,632,643 | 9,464,371,139 |
| 2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn) | | - |
| 2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay) | - | - |
| 2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*) | (3,791,376,273) | (3,232,484,544) |
| Tổng cộng | 13,092,256,370 | 6,231,886,595 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Ghi chú: Chi tiết số dư cuối kỳ khoản mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu):

| | 31/12/2010 | | 01/01/2010 | | Lý do tăng/giảm |
|---|------------|-----------------------|------------|----------------------|--|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị | |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển CN TM Củ Chi | 67,185 | 480,560,000 | - | - | Chuyển từ ĐTDH sang NH, chia Cp thường |
| Công Ty CP Thương Nghiệp Cà Mau | 39,270 | 760,500,000 | - | - | Chuyển từ ĐTDH |
| Công Ty CP Vật Tư Xăng Dầu | 9,810 | 251,109,770 | 6,540 | 251,109,770 | Chia Cp thường |
| Ngân Hàng CP Công Thương Việt Nam | 8,003 | 153,664,000 | 10,000 | 201,000,000 | Mua bán trong kỳ |
| Công Ty CP Phát Triển DT Công Nghệ FPT | 2,000 | 232,036,700 | 1,500 | 232,036,700 | Chia Cp thường |
| Công Ty CP Tập Đoàn Hòa Phát | 12,930 | 529,781,560 | 9,000 | 553,136,200 | Bán bớt Cp, chia Cp thường |
| Công Ty CP Xi Măng Hà Tiên 2 | 50,000 | 1,375,000,000 | 50,000 | 1,375,000,000 | |
| Công Ty CP Thép Pomina | 206,691 | 6,110,734,248 | | | Chuyển từ ĐTDH, mua Cp, chia Cp thường |
| Công Ty CP Cơ Điện Lạnh | 11,440 | 489,808,240 | 5,200 | 489,808,240 | Chia Cp thường |
| Công Ty CP Cấp Và Vật Liệu Viễn Thông | 3,600 | 445,489,329 | 3,600 | 445,489,329 | |
| Công Ty CP Đầu Tư Thương Mại SMC | 65,000 | 1,614,241,067 | 72,006 | 1,965,266,825 | Quyền mua, bán trong kỳ |
| Công Ty CP Chứng Khoán Sài Gòn | 4,500 | 398,865,000 | 2,250 | 398,865,000 | Chia Cp thường |
| Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Sacombank | 40,005 | 1,187,042,846 | 33,500 | 1,261,532,565 | Chia Cp thường, mua bán trong kỳ |
| Công Ty CP Dệt Thành Công | 4,480 | 217,316,800 | 4,480 | 217,316,800 | |
| Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức | 7,000 | 370,256,724 | 6,005 | 543,583,350 | Chia Cp thường, mua bán trong kỳ |
| Công Ty CP Thép Nhà Bè | 50,000 | 1,185,000,000 | | | Chuyển từ ĐTDH |
| Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán VM VF1 | 4,000 | 159,543,860 | 4,000 | 159,543,860 | |
| Công Ty CP TMDV Vũng Tàu | | | 45,000 | 1,155,000,000 | Bán Cp |
| Công Ty CP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco | 4,000 | 215,682,500 | 4,000 | 215,682,500 | |
| Công ty CP Lương Thực Vĩnh Long | 100,000 | 585,000,000 | | | Chuyển từ ĐTDH sang NH, mua Cp |
| Tổng cộng | | 16,761,632,643 | | 9,464,371,139 | |

(*) Chi tiết số dư khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là:

| | |
|---|------------------------|
| Công Ty Cổ Phần Phát Triển DT Công Nghệ FPT | (103,036,700) |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hòa Phát | (29,390,560) |
| Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 1 | (815,000,000) |
| Công Ty CP Thép POMINA | (199,371,648) |
| Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh | (287,320,240) |
| Công Ty Cổ Phần Cấp Và Vật Liệu Viễn Thông | (378,169,329) |
| Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC | (171,241,067) |
| Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Sài Gòn | (254,865,000) |
| Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Sacombank | (538,961,845) |
| Công Ty Cổ Phần Dệt Thành Công | (112,036,800) |
| Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức | (128,756,724) |
| Công Ty CP Thép Nhà Bè | (480,000,000) |
| Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán VN VF1 | (113,143,860) |
| Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Vitaco | (180,082,500) |
| | (3,791,376,273) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|--------------------|-------------------|
| | 390,411,048 | 32,843,199 |
| 1. Phải thu về cổ phần hóa | - | - |
| 2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia | - | - |
| 3. Phải thu về lao động | - | - |
| 4. Phải thu khác | 390,411,048 | 32,843,199 |
| Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2010 là: | | |
| + NHCT Đông Sài Gòn | 366,666,669 | |
| + Phải thu khác | 23,744,379 | |
| Tổng cộng | 390,411,048 | |

4. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá gốc của hàng tồn kho | | |
| - Hàng mua đang đi đường | - | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 659,976,795 | 860,942,872 |
| - Công cụ, dụng cụ | - | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | - |
| - Thành phẩm | - | - |
| - Hàng hoá | 145,322,368,132 | 111,882,478,722 |
| - Hàng gửi đi bán | - | - |
| - Hàng hóa kho bảo thuế | - | - |
| - Hàng hóa bất động sản | - | - |
| Tổng cộng | 145,982,344,927 | 112,743,421,594 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (228,821,522) |
| - Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 145,982,344,927 | 112,514,600,072 |
| - Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | |
| - Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ | | |
| - Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | |

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | - | - |
| - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước: | 5,609,695,998 | 4,976,576,484 |
| + Thuế GTGT | 5,609,695,998 | 4,976,576,484 |
| + Thuế TNDN | - | - |
| Tổng cộng | 5,609,695,998 | 4,976,576,484 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Tạm ứng | | 6,960,000 |
| - Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10,270,000,000 | 10,600,000,000 |
| Tổng cộng | 10,270,000,000 | 10,606,960,000 |

Chi tiết số dư khoản mục ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là:

Trong đó:

| | | |
|---------------------------------------|-----------------------|--|
| + Tổng Công Ty Thép Việt Nam | 9,000,000,000 | |
| + Công Ty Honda | 100,000,000 | |
| + Công Ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 750,000,000 | |
| + Công ty TNHH MTV TMKT & ĐT Petec | 420,000,000 | |
| Tổng cộng | 10,270,000,000 | |

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|---|--------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 24,416,097,630 | 4,668,881,858 | 7,803,060,121 | 476,609,067 | 37,364,648,676 |
| 2. Số tăng trong năm | 2,021,100,917 | 883,718,614 | 2,629,977,182 | 11,363,636 | 5,546,160,349 |
| <i>Bao gồm:</i> | | | | | |
| - Mua trong năm | 177,169,209 | 459,909,090 | 2,629,977,182 | 11,363,636 | 3,278,419,117 |
| - Đầu tư XDCN hoàn thành | 1,843,931,708 | 300,000,000 | - | - | 2,143,931,708 |
| - Tăng khác | - | 123,809,524 | - | - | 123,809,524 |
| 3. Số giảm trong năm | 2,975,403,478 | - | 851,747,645 | - | 3,827,151,123 |
| <i>Bao gồm:</i> | | | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | 2,975,403,478 | - | 851,747,645 | - | 3,827,151,123 |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| 4. Số dư cuối năm | 23,461,795,069 | 5,552,600,472 | 9,581,289,658 | 487,972,703 | 39,083,657,902 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 13,627,833,955 | 3,006,626,006 | 2,545,129,384 | 241,822,262 | 19,421,411,607 |
| 2. Khấu hao trong năm | 1,598,153,564 | 525,479,446 | 1,010,198,204 | 68,637,388 | 3,202,468,604 |
| <i>Bao gồm:</i> | | | | | |
| - Khấu hao tăng trong năm | 1,598,153,564 | 525,479,446 | 1,010,198,204 | 68,637,388 | 3,202,468,604 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| 3. Giảm trong năm | 2,898,014,917 | - | 130,128,108 | - | 3,028,143,025 |
| <i>Bao gồm:</i> | | | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | 2,898,014,917 | - | 130,128,108 | - | 3,028,143,025 |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| 4. Số dư cuối năm | 12,327,972,603 | 3,532,105,452 | 3,425,199,480 | 310,459,650 | 19,595,737,186 |
| III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 10,788,263,675 | 1,662,255,852 | 5,257,930,737 | 234,786,805 | 17,943,237,069 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 11,133,822,466 | 2,020,495,020 | 6,156,090,178 | 177,513,053 | 19,487,920,717 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| Chỉ tiêu | Quyền sử dụng đất lâu dài | Quyền sử dụng đất có thời hạn | Nhãn hiệu hàng hóa | Phần mềm máy tính | TSCĐ khác | Đơn vị tính: VND |
|--|---------------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|-----------|------------------|
| | | | | | | Tổng cộng |
| I. Nguyên giá TSCĐ vô hình | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 4,080,621,828 | 14,496,380,038 | - | 121,200,000 | - | 18,698,201,866 |
| 2. Số tăng trong năm | 11,273,618,203 | 8,500,000,000 | - | - | - | 19,773,618,203 |
| Bao gồm: | | | | | | |
| - Mua trong năm | 11,273,618,203 | 8,500,000,000 | - | - | - | 19,773,618,203 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - |
| 3. Số giảm trong năm | - | - | - | - | - | - |
| Bao gồm: | | | | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| 4. Số dư cuối năm | 15,354,240,031 | 22,996,380,038 | - | 121,200,000 | - | 38,471,820,069 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | | 673,186,842 | - | 53,866,672 | | 727,053,514 |
| 2. Khấu hao trong năm | | 523,866,685 | - | 40,400,004 | | 564,266,689 |
| Bao gồm: | | | | | | |
| - Khấu hao tăng trong năm | | 523,866,685 | - | 40,400,004 | | 564,266,689 |
| - Tăng khác | | - | - | - | | - |
| 3. Giảm trong kỳ | | - | - | - | | - |
| Bao gồm: | | | | | | |
| - Thanh lý nhượng bán | | - | - | - | | - |
| - Giảm khác | | - | - | - | | - |
| 4. Số dư cuối năm | | 1,197,053,527 | - | 94,266,676 | | 1,291,320,203 |
| III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 4,080,621,828 | 13,823,193,196 | - | 67,333,328 | - | 17,971,148,352 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 15,354,240,031 | 21,799,326,511 | - | 26,933,324 | - | 37,180,499,866 |

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| - Chi phí XDCB dở dang | 5,877,979,749 | 16,339,618,568 |
| <i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i> | | |
| + Nhà 37 Lê Văn Ninh | 8,784,000 | |
| + Trung Tâm Thương Mại Dịch Vụ 231 | | 15,761,872,303 |
| + Công trình 746 Kha Vạn Cân | | - |
| + Công trình TTTM số 1 Dương Văn Cam | 2,629,610,678 | 577,746,265 |
| + Công trình 38 Đặng Văn Bi | 1,671,372,727 | |
| + Trạm xăng dầu Long Thành | 423,594,446 | - |
| + Trạm xăng dầu số 5 | 150,909,091 | |
| + Chung cư 27 đường số 9, Linh Xuân | 909,090,909 | |
| + Lắp bốn 25m3 trạm XD số 4 | 84,617,898 | |
| - Mua sắm tài sản cố định | 54,545,455 | 1,818,181,818 |
| - Sửa chữa lớn tài sản cố định | | |
| Tổng cộng | 5,932,525,204 | 18,157,800,386 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối năm |
|--|----------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá BĐS đầu tư | 8,627,079,003 | 24,943,322,759 | - | 33,570,401,762 |
| 1. Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| 2. Nhà | 8,627,079,003 | 24,943,322,759 | - | 33,570,401,762 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | 371,210,970 | 679,369,620 | - | 1,050,580,590 |
| 1. Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| 2. Nhà | 371,210,970 | 679,369,620 | - | 1,050,580,590 |
| III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư | 8,255,868,033 | 24,263,953,139 | - | 32,519,821,172 |
| 1. Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| 2. Nhà | 8,255,868,033 | 24,263,953,139 | - | 32,519,821,172 |

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| 11.1. Đầu tư vào công ty con | | |
| 11.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*) | 17,640,000,000 | 15,552,460,242 |
| 11.3. Đầu tư dài hạn khác | 15,288,648,625 | 20,453,614,145 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| 1. Đầu tư cổ phiếu (**) | 14,327,720,000 | 19,424,560,000 |
| 2. Đầu tư trái phiếu | | 120,800,000 |
| 3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu | - | - |
| 4. Cho vay dài hạn | - | - |
| 5. Đầu tư dài hạn khác | 960,928,625 | 908,254,145 |
| 11.4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (***) | (1,817,538,430) | (2,517,985,000) |
| Tổng cộng | 31,111,110,195 | 33,488,089,387 |

() Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:**

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công Ty TNHH TMDV Song Đức | 17,640,000,000 | 15,462,460,242 |
| Công Ty TNHH TMDV 3/2 | | 90,000,000 |
| Tổng cộng | 17,640,000,000 | 15,552,460,242 |

() Chi tiết số dư khoản mục đầu tư cổ phiếu:**

| | 31/12/2010 | | 01/01/2010 | | |
|------------------------------------|------------|---------------|------------|---------------|------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị | Lý do tăng/giảm |
| Công Ty CP Đầu Tư PT KCN TM Củ Chi | | | 4,479 | 480,560,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang | 595,000 | 4,905,000,000 | 300,000 | 4,705,000,000 | Chia Cp thường |
| Công Ty CP Địa Ốc 9 | 350,000 | 3,840,000,000 | 200,000 | 2,040,000,000 | Mua thêm Cp |
| Công Ty CP Lương Thực TP Vĩnh Long | | | 50,000 | 585,000,000 | |
| Công Ty CP Dệt Việt Thắng | 50,000 | 527,500,000 | 50,000 | 527,500,000 | |
| Công Ty CP Dệt Đông Á | 50,000 | 897,500,000 | 50,000 | 897,500,000 | |
| Công Ty CP XNK Vĩnh Long | 44,850 | 339,000,000 | 30,000 | 339,000,000 | Chia Cp thường |
| Ngân Hàng TMCP Phương Nam | 52,451 | 1,975,220,000 | 44,155 | 1,936,000,000 | Mua thêm Cp |
| Công Ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú | 30,000 | 423,000,000 | 30,000 | 423,000,000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

| | | | | | |
|---------------------------------|--------|-----------------------|---------|-----------------------|------------------|
| Công Ty CP Thép Pomina | | | 150,000 | 4,125,000,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Dệt Vải Phong Phú | 30,000 | 423,000,000 | 30,000 | 423,000,000 | |
| Công Ty CP Thương Nghiệp Cà Mau | | | 30,000 | 760,500,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Thép Nhà Bè | | | 50,000 | 1,185,000,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Thép Biên Hòa | 35,000 | 997,500,000 | 35,000 | 997,500,000 | |
| Tổng cộng | | 14,327,720,000 | | 19,424,560,000 | |

(**) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư cổ phiếu:

| | 31/12/2010 | | 01/01/2010 | | Lý do tăng/giảm |
|------------------------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị | |
| Công Ty CP Đầu Tư PT KCN TM Củ Chi | | | 4,479 | 480,560,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang | 595,000 | 4,905,000,000 | 300,000 | 4,705,000,000 | Chia Cp thưởng |
| Công Ty CP Địa Ốc 9 | 350,000 | 3,840,000,000 | 200,000 | 2,040,000,000 | Mua thêm Cp |
| Công Ty CP Lương Thực TP Vĩnh Long | | | 50,000 | 585,000,000 | |
| Công Ty CP Dệt Việt Thắng | 50,000 | 527,500,000 | 50,000 | 527,500,000 | |
| Công Ty CP Dệt Đông Á | 50,000 | 897,500,000 | 50,000 | 897,500,000 | |
| Công Ty CP XNK Vĩnh Long | 44,850 | 339,000,000 | 30,000 | 339,000,000 | Chia Cp thưởng |
| Ngân Hàng TMCP Phương Nam | 52,451 | 1,975,220,000 | 44,155 | 1,936,000,000 | Mua thêm Cp |
| Công Ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú | 30,000 | 423,000,000 | 30,000 | 423,000,000 | |
| Công Ty CP Thép Pomina | | | 150,000 | 4,125,000,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Dệt Vải Phong Phú | 30,000 | 423,000,000 | 30,000 | 423,000,000 | |
| Công Ty CP Thương Nghiệp Cà Mau | | | 30,000 | 760,500,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Thép Nhà Bè | | | 50,000 | 1,185,000,000 | Chuyển sang ĐTNH |
| Công Ty CP Thép Biên Hòa | 35,000 | 997,500,000 | 35,000 | 997,500,000 | |
| Tổng cộng | | 14,327,720,000 | | 19,424,560,000 | |

(***) Chi tiết số dư khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2010 là:

| | |
|------------------------------|------------------------|
| Ngân Hàng TMCP Phương Nam | (1,447,038,430) |
| Công Ty CP Dệt Vải Phong Phú | (3,000,000) |
| Công Ty CP Thép Biên Hòa | (367,500,000) |
| Tổng cộng | (1,817,538,430) |

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| 12.1. Vay ngắn hạn | 125,978,956,175 | 76,843,094,045 |
| - Vay ngân hàng | 104,300,000,000 | 55,300,000,000 |
| + Ngân Hàng Công Thương | 60,300,000,000 | 25,800,000,000 |
| + Ngân hàng ĐT và PT | 13,000,000,000 | 10,000,000,000 |
| + Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín | 15,000,000,000 | 3,500,000,000 |
| + Ngân Hàng HSBC | 16,000,000,000 | 16,000,000,000 |
| - Vay đối tượng khác | 21,678,956,175 | 21,543,094,045 |
| 12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả | | - |
| Tổng cộng | 125,978,956,175 | 76,843,094,045 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| 13.1. Thuế phải nộp nhà nước | 1,819,619,095 | 5,131,014,203 |
| - Thuế GTGT | - | - |
| - Thuế TTĐB | - | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | - |
| - Thuế TNDN | 1,728,858,186 | 5,072,040,905 |
| - Thuế tài nguyên | - | - |
| - Thuế nhà đất | - | - |
| - Tiền thuê đất | - | - |
| - Các loại thuế khác | 90,760,909 | 58,973,298 |
| + Thuế thu nhập cá nhân | 90,760,909 | 58,973,298 |
| + Các loại thuế khác | - | - |
| 13.2. Các khoản phải nộp khác | - | - |
| - Các khoản phí, lệ phí | - | - |
| - Các khoản phải nộp khác | - | - |
| Tổng cộng | 1,819,619,095 | 5,131,014,203 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ | - | - |
| - Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh | - | - |
| - Trích trước chi phí lãi vay | 112,394,443 | 109,232,258 |
| Tổng cộng | 112,394,443 | 109,232,258 |

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Tài sản thừa chờ xử lý | - | - |
| - BHYT | - | - |
| - BHXH | - | 24,783,808 |
| - KPCĐ | - | - |
| - Doanh thu chưa thực hiện | - | - |
| - Phải trả về cổ phần hoá | - | - |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1,344,154,895 | 936,152,055 |
| - Cổ tức, lợi nhuận liên doanh phải trả | 445,108,096 | 420,190,562 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 677,942,524 | - |
| Tổng cộng | 2,467,205,515 | 1,381,126,425 |

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2010 là:

| | |
|------------------------------|--------------------|
| + Công Ty TNHH TMDV Song Đức | 490,000,000 |
| + Các đối tượng khác | 187,942,524 |
| Tổng cộng | 677,942,524 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|--|----------------|-------------------------|--------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------------------|
| - Số dư đầu năm nay | 40,000,000,000 | 17,569,949,000 | | 1,902,262,528 | 4,066,447,727 | 35,990,648,138 |
| - Tăng trong kỳ | 40,000,000,000 | 10,067,080,000 | 570,000 | 1,528,013,448 | - | 21,835,641,998 |
| - Tăng do phát hành thêm cổ phiếu | 40,000,000,000 | 10,067,080,000 | 570,000 | | | |
| - Lợi nhuận tăng trong kỳ | | | | 1,528,013,448 | | 21,835,641,998 |
| - Trích từ lợi nhuận năm trước | | | | | | |
| - Tăng khác | | | | | | |
| - Giảm trong kỳ | - | - | - | 1,902,262,528 | - | 38,458,831,567 |
| Trong đó: | | | | | | |
| - Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ | | | | | | |
| · Quỹ Đầu tư phát triển | | | | 6,452,016,502 | | 1,528,013,448 |
| · Quỹ Dự phòng tài chính | | | | | | 4,924,003,054 |
| · Quỹ Khen thưởng phúc lợi | | | | | | |
| · Nguồn vốn đầu tư XDCB | | | | | | |
| - Giảm do phát hành thêm cổ phiếu | | | | 1,902,262,528 | | 18,097,737,472 |
| - Chia lãi hợp tác kinh doanh | | | | | | 878,727,039 |
| - Chi thù lao, thưởng HĐQT và BKS | | | | | | 458,577,000 |
| - Chia cổ tức | | 66,100,000 | | | | 12,569,396,030 |
| - Giảm khác | | | | | | 2,377,524 |
| - Số dư cuối kỳ | 80,000,000,000 | 27,570,929,000 | 570,000 | 1,528,013,448 | 4,066,447,727 | 19,367,458,569 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

| | Năm 2010 | Năm 2009 |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 80,000,000,000 | 40,000,000,000 |
| + Vốn góp đầu năm | 40,000,000,000 | 40,000,000,000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | 40,000,000,000 | - |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 80,000,000,000 | 40,000,000,000 |

16.3. Cổ tức

| | | |
|---|--------------|-----|
| - Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: | | |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: | Dự kiến 16 % | 18% |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: | | |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: | | |

16.4. Cổ phiếu

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8,000,000 | 4,000,000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8,000,000 | 4,000,000 |
| + <i>Cổ phiếu thường</i> | <i>8,000,000</i> | <i>4,000,000</i> |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | 57 | - |
| + <i>Cổ phiếu thường</i> | <i>57</i> | |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7,999,943 | 4,000,000 |
| + <i>Cổ phiếu thường</i> | <i>7,999,943</i> | <i>4,000,000</i> |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 1,528,013,448 | 1,902,262,528 |
| - Quỹ dự phòng tài chính | 4,066,447,727 | 4,066,447,727 |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi | 3,188,846,595 | 1,655,049,987 |
| - Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | - | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

16.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

16.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

16.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

16.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

17. DOANH THU

| Chỉ tiêu | Năm 2010 VND | Năm 2009 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| 17.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Tổng doanh thu | 1,651,604,607,234 | 1,184,280,852,480 |
| + Doanh thu bán hàng | 1,646,736,181,724 | 1,181,677,157,372 |
| + Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4,868,425,510 | 2,603,695,108 |
| - Các khoản giảm trừ doanh thu | - | 38,359,090 |
| + Chiết khấu thương mại | | |
| + Giảm giá hàng bán | | |
| + Hàng bán bị trả lại | - | 38,359,090 |
| + Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp) | | |
| + Thuế TTĐB | | |
| + Thuế xuất khẩu | | |
| - Doanh thu thuần | 1,651,604,607,234 | 1,184,242,493,390 |
| Trong đó: | | |
| + Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá | 1,646,736,181,724 | 1,181,638,798,282 |
| + Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ | 4,868,425,510 | 2,603,695,108 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

| | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 17.2. Doanh thu hoạt động tài chính | 4,998,649,692 | 4,753,071,146 |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ | 675,529,947 | 889,146,254 |
| - Lãi đầu tư cổ phiếu | | - |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1,582,668,382 | 1,419,410,553 |
| - Thu nhập từ hoạt động liên doanh | 1,453,200,000 | 1,307,800,000 |
| - Doanh thu hoạt động tài chính khác | 1,287,251,363 | 1,136,714,339 |
| 17.3. Thu nhập khác | 2,613,396,924 | 10,615,481,028 |
| - Thu nhập từ tiền đến bù giải phóng mặt bằng | | 11,364,000 |
| - Thu nhập từ khách hàng vi phạm hợp đồng | | 29,478,205 |
| - Thu nhập do được khuyến mại, chiết khấu... | 1,395,795,191 | 1,514,551,551 |
| - Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ | 1,050,000,000 | 8,892,641,571 |
| - Thu từ tiền lãi ký quỹ | | 19,012,500 |
| - Xử lý sắt thép nhập thừa | 143,695,823 | 148,433,201 |
| - Khác | 23,905,910 | |
| 18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN | | |
| | Năm 2010 | Năm 2009 |
| | VND | VND |
| - Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp | 1,576,866,473,190 | 1,113,732,986,958 |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ | - | - |
| - Hao hụt, mất mát hàng tồn kho | - | - |
| Tổng cộng | 1,576,866,473,190 | 1,113,732,986,958 |
| 19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | |
| | Năm 2010 | Năm 2009 |
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 10,621,331,190 | 5,142,004,624 |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | 558,891,729 | |
| - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (700,446,570) | (3,450,556,911) |
| - Lãi bán chứng khoán | 380,188,437 | |
| - Chi phí hoạt động tài chính khác | 48,978,710 | 700,719,942 |
| Tổng cộng | 10,908,943,496 | 2,392,167,655 |
| 20. CHI PHÍ KHÁC | | |
| | Năm 2010 | Năm 2009 |
| | VND | VND |
| - Chi phí bị phạt | | 163,344,759 |
| - Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 949,008,099 | 1,364,190,821 |
| - Chi phí điện nước | | 45,240,824 |
| - Chi phí khác | 10,230 | |
| Tổng cộng | 949,018,329 | 1,572,776,404 |
| 21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH | | |
| | Năm 2010 | Năm 2009 |
| | VND | VND |
| - Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 7,052,333,933 | 7,975,183,398 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | | |
| Tổng cộng | 7,052,333,933 | 7,975,183,398 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

| Chỉ tiêu | Năm 2010 VND | Năm 2009 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 29,511,919,681 | 39,174,184,748 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | (1,302,583,946) | (740,546,057) |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | 280,084,436 | 678,864,496 |
| + Các khoản điều chỉnh giảm (thu từ cổ tức) | 1,582,668,382 | 1,419,410,553 |
| - Tổng thu nhập chịu thuế | 28,209,335,735 | 38,433,638,691 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (25%) | 7,052,333,933 | 9,608,409,674 |
| - Điều chỉnh CP thuế TNDN của các năm trước | | 710,120,639 |
| - Thuế TNDN được giảm theo NQ 03/2009/TT-BTC | | 2,343,346,915 |
| - Thuế TNDN còn phải nộp | 7,052,333,933 | 7,975,183,398 |
| + Trong đó thuế TNDN từ chuyển quyền SDD | | 1,797,253,290 |

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm 2010 VND | Năm 2009 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 2,826,527 | (1,238,581,473) |
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 621,117,223 | 620,290,777 |
| - Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*) | | |
| - Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*) | | |
| - Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*) | | |
| Tổng cộng | 623,943,750 | (618,290,696) |

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| Chỉ tiêu | Năm 2010 VND | Năm 2009 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2,792,074,966 | 1,740,145,655 |
| 2. Chi phí nhân công | 22,866,500,376 | 28,509,193,979 |
| 3. Chi phí khấu hao TSCĐ | 4,429,737,340 | 3,779,174,250 |
| 4. Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8,912,186,367 | 6,913,877,721 |
| 5. Chi phí khác bằng tiền | 1,979,800,105 | 1,796,538,194 |
| Tổng cộng | 40,980,299,154 | 42,738,929,799 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | <i>Năm 2010</i> VND | <i>Năm 2009</i> VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đã chia liên doanh) | 20,956,914,959 | 30,560,268,969 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông | - | - |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| + Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông | 20,956,914,959 | 30,560,268,969 |
| CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 7,333,286 | 4,000,000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2,858 | 7,640 |

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu:

| Các bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |
|-------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | Mua hàng | 276,616,900,003 |
| Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM | Mua hàng | 465,820,571,811 |
| Công ty TNHH MTV TMKT & ĐT Petec | Mua hàng | 424,692,101,138 |
| CỘNG | | 1,167,129,572,952 |
| Công ty TNHH DV Song Đức | Bán hàng | 23,015,175,153 |
| CỘNG | | 23,015,175,153 |

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |
|----------------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM | Phải thu tiền hàng | 33,440,000 |
| Công ty TNHH DV Song Đức | Phải thu tiền hàng | 82,820,153 |
| CỘNG | | 116,260,153 |
| Công ty TNHH MTV TMKT & ĐT Petec | Phải trả tiền hàng | 32,268,930,453 |
| CỘNG | | 32,268,930,453 |

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán (Đây là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức hợp nhất (có 02 công ty con), nhưng do 2 công ty con này được tách ra từ 2 bộ phận của công ty mẹ và công ty mẹ sở hữu 100% vốn, nên các chỉ tiêu vẫn được thể hiện số liệu so sánh). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Xương

Kế Toán Trưởng



Viên Thiên Khanh



Tổng Giám Đốc



Ma Đức Tú

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2010.

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CP TM XNK Thủ Đức quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát
- Căn cứ qui chế nội bộ về quản trị công ty CP TM XNK Thủ Đức ngày 03 tháng 04 năm 2009.
- Thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ về kiểm tra, tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty năm 2010,

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại Hội Đồng cổ đông tình hình hoạt động và nhận xét báo cáo tài chính năm 2010, của Công ty Cổ phần TM XNK Thủ Đức như sau :

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

Kiểm soát hoạt động : Xem xét hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiểm soát báo cáo tài chính : kiểm tra soát xét báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của báo cáo tài chính, Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty kết thúc năm tài chính 2010.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị đã giúp Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ và chấp hành điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

II. NHẬN XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010:

- Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán & kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán.

- Ban kiểm soát đồng ý về cơ bản với các đánh giá về hoạt động tài chính của Công ty và Công ty kiểm toán (AASCS) với các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

| | | |
|----|---|---------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng | 1.651.604.607.234 đ |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 1.576.866.473.190đ |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 74.738.134.044 đ |
| 4 | Doanh thu từ hoạt động tài chính | 4.998.649.692 đ |
| 5 | Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính | 10.908.943.496 đ |
| 6 | Chi phí bán hàng | 32.329.389.772 đ |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8.650.909.382 đ |
| 8 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 27.847.541.086 đ |
| 9 | Thu nhập khác | 2.613.396.924 đ |
| 10 | Chi phí khác | 949.018.329 đ |
| 11 | Lợi nhuận khác | 1.664.378.595 đ |

| | | |
|----|--------------------------------------|------------------|
| 12 | Lợi nhuận trước thuế | 29.511.919.681 đ |
| 13 | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 7.052.333.933 đ |
| 14 | Thuế TNDN tạm hoãn lại | 623.943.750 đ |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế | 21.835.641.998 đ |
| 16 | Lợi nhuận chia liên doanh | 878.727.039 đ |
| 17 | Lợi nhuận còn lại | 20.956.914.959 đ |
| 18 | Tổng số Lợi nhuận phân phối năm 2010 | 20.956.914.959 đ |

Về việc thực hiện chính sách chế độ tài chính nhà nước ban hành:

Chúng tôi từ sổ sách kế toán phản ánh đúng nội dung kinh tế các hoạt động của Công ty năm 2010, bảo đảm được việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý nhà nước theo qui định.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2010 :

A. Hoạt động kinh doanh :

- Hội đồng quản trị đã thực tốt chức năng nhiệm vụ và quyền hạn qui định theo điều lệ Công ty, quyết định tại các kỳ họp đều được đa số thành viên nhất trí thông qua, các chủ trương phù hợp tạo cho Công ty từng bước đi lên ổn định vững chắc, bảo toàn và phát triển vốn của các nhà đầu tư.

Thực hiện qui chế dân chủ, HĐQT đã có những quyết sách đúng đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty trước mắt cũng như lâu dài.

Năm 2010, doanh thu cả năm Công ty đạt được là 1.651.604.607.234đ , đạt 110% so với kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế là 29.511.919.681đ, đạt 101,76 % so với kế hoạch năm. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra năm 2010.

B. Hoạt động đầu tư:

Năm 2010 Công ty đã thành lập hai Công ty TNHH một thành viên 100% vốn của Công ty đó là :

- Cty TNHH một thành viên Ba Mươi Tháng Tư (Giấy ĐKKD cấp ngày 12/04/2010) với vốn Điều lệ là 15.000.000.000đ (Mười lăm tỷ đồng) bắt đầu hoạt động từ ngày 1/7/2010.
- Cty TNHH Một thành viên Thép TMC (Giấy ĐKKD cấp ngày 08/09/2010) với vốn Điều lệ là: 15.000.000.000đ (Mười lăm tỷ đồng) bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010.

Trong năm 2010, Công ty thực hiện, hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án đầu tư sau đây:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng Showroom ô tô tại 746 Kha Vạn Cân, P. Linh Đông, Thủ Đức, hiện nay Công ty TNHH Một Thành viên Ba Mươi tháng Tư tạm dời về đây để kinh doanh (trong thời gian xây dựng Trung Tâm Điện Máy 30-4);
- Hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh Trạm xăng dầu số 14 tại Xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai (khai trương hoạt động kinh doanh tháng 12/2010)
- Hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận (khai trương hoạt động kinh doanh tháng 05/2010)
- Triển khai xây dựng Dự án Showroom Vật liệu xây dựng cao cấp tại địa chỉ 38 Đặng Văn Bi, P. Bình Thọ, Thủ Đức, Công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện, (dự kiến tháng 6/2011 đưa vào khai thác)

- Nhận chuyển nhượng và hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nhà, đất tiếp giáp với Trạm xăng dầu số 5 để mở rộng Trạm xăng dầu số 5 và khai thác thêm dịch vụ rửa xe tại đây.
- Hoàn tất thủ tục mua nhà theo giá chỉ định của Thành phố, nhà số 32 và nhà số 37 Lê Văn Ninh, P. Linh Tây, Thủ Đức.
- Triển khai lập dự án đầu tư xin chủ trương thành phố đầu tư xây dựng cụm chung cư phức hợp TMC tại 27 phường Linh Xuân, Thủ Đức, được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.
- Ngoài ra, trong năm 2010, Công ty cũng đã đầu tư tu bổ, sửa chữa, chỉnh trang các trạm xăng dầu, điểm kinh doanh khang trang hơn, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong tháng 6 năm 2010, Công ty cũng đã hoàn thành đợt phát hành thêm 4.000.000 cổ phiếu nâng vốn Điều lệ Công ty lên 80 tỷ theo đúng luật định.

Ban kiểm soát nhất trí với các báo cáo theo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, cũng như phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2010 theo đề nghị của Hội đồng quản trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.

IV – PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2011:

Năm 2011, Ban kiểm soát sẽ cố gắng nỗ lực trong công tác tổ chức, theo dõi kiểm tra và giám sát mọi hoạt động quản lý điều hành và thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể :

- Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao tính hiệu quả, phát huy lợi thế có được để hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.
- Tăng cường thời gian hoạt động kiểm tra, kết hợp lắng nghe ý kiến phản ánh của các cổ đông trong và ngoài đơn vị về tổ chức, hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận .
- Tham gia học tập, bồi dưỡng công tác chuyên môn và nghiệp vụ kiểm soát viên.
- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo qui định tại điều 123 của luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty đối với ban kiểm soát .

Chúng tôi xin cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, các đơn vị trực thuộc cùng toàn thể quý cổ đông đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong năm qua.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại Hội Đồng cổ đông.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2011

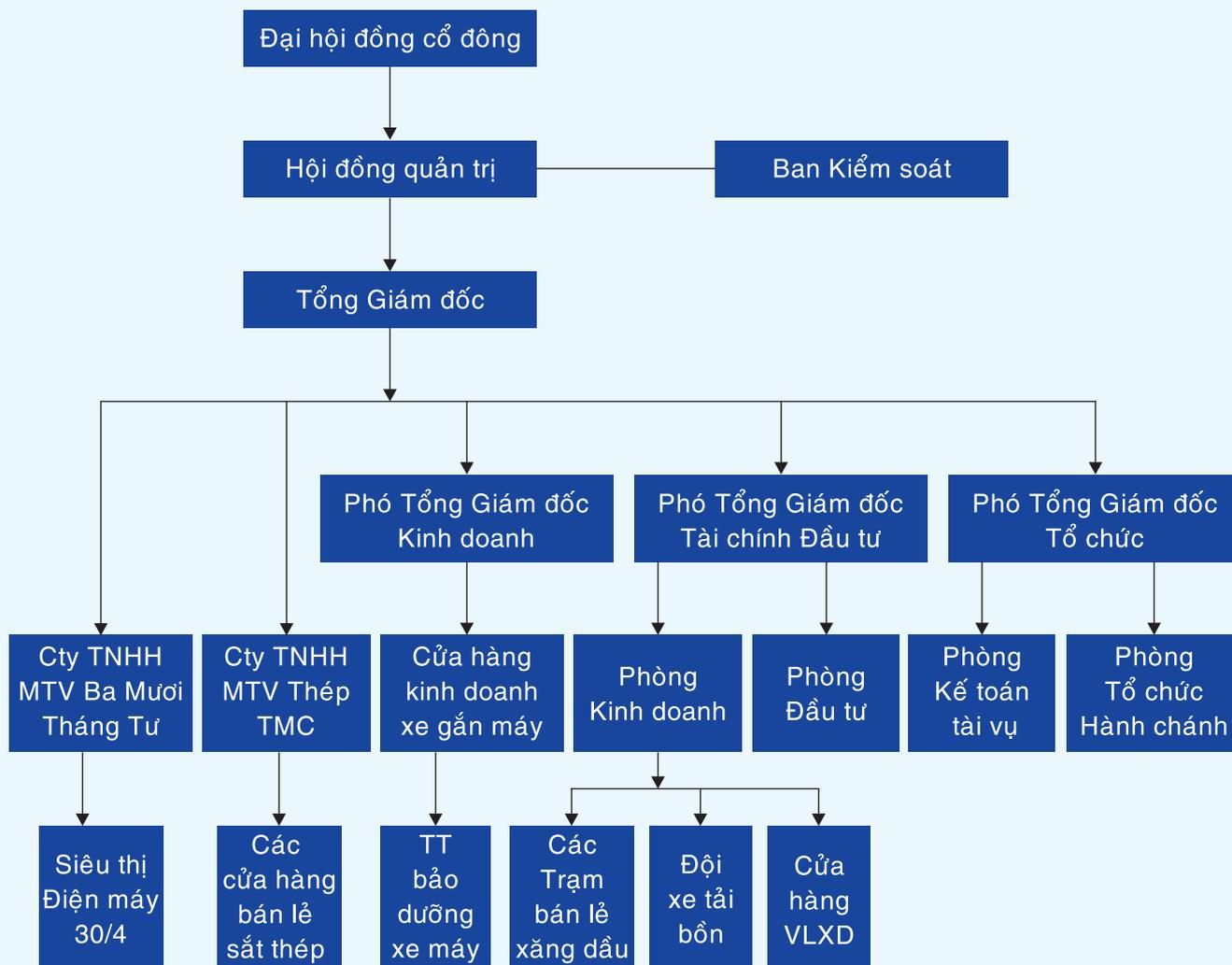
TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban.



Nguyễn Ngọc Đan Tâm

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :



1. MA ĐỨC TÚ - Chủ tịch

- Cử nhân Đại học Ngân hàng
- Tổng Giám đốc Cty CP Thương mại XNK Thủ Đức
- Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP Đầu tư Thương mại SMC
- Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP Địa ốc 9



3. NGUYỄN MẠNH THẢO - Ủy viên

- Cử nhân Đại học Xây dựng
- Phó Giám đốc Cty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty CP Âu Lạc
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty CP Petec PetroMat



2. NGUYỄN THỊ NĂM

- Phó Chủ tịch

- Cử nhân Đại học Kinh tế TP. HCM
- Phó Tổng Giám đốc Tổ chức Cty CP Thương mại XNK Thủ Đức
- Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP Vật Tư Hậu Giang



4. DƯƠNG XUÂN PHÁT - Ủy viên

- Cử nhân Đại học Tài chính kế toán
- Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TPHCM (Saigon Petro)



5. HOÀNG ĐÌNH SƠN - Ủy viên

- Kỹ sư kinh tế
- Phó Giám đốc Ban Kinh doanh sản phẩm dầu Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)

BAN KIỂM SOÁT



1. NGUYỄN NGỌC ĐAN TÂM – Trưởng ban

- Thạc sĩ Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng
- Giám đốc tư vấn Công ty Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt



2. PHẠM NGỌC MINH Ủy viên

- Cử nhân Đại học Kinh tế
- Trưởng Phòng Đầu tư Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức



3. PHẠM PHÁT THÀNH - Ủy viên

- Cử nhân Kinh tế
- Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc : MA ĐỨC TÚ - Cử nhân Đại học Ngân hàng

Phó Tổng Giám đốc Tổ chức : NGUYỄN THỊ NĂM - Cử nhân Đại học Kinh tế

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh : ĐẶNG QUẾ SƠN - Cử nhân Đại học Kinh tế

Phó Tổng Giám đốc Tài chính - Đầu tư : NGUYỄN THANH BÌNH - Cử nhân Đại học Tài chính



(Từ trái qua phải - ông Nguyễn Thanh Bình, bà Nguyễn Thị Năm, ông Ma Đức Tú, ông Đặng Quế Sơn)

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Vừa qua, căn cứ sự sắp xếp nhân sự của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó ông Lý Hồng Đức thôi làm người đại diện quản lý phần vốn góp của PV Oil tại Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và giao ông Hoàng Đình Sơn làm người đại diện quản lý phần vốn góp đồng thời giới thiệu ông Hoàng Đình Sơn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Lý Hồng Đức ;

Hội đồng Quản trị Công ty đã bổ nhiệm ông Hoàng Đình Sơn vào thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Lý Hồng Đức kể từ ngày 17/12/2010 và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2010 chấp thuận thông qua.

Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Sau khi thành lập các Công ty thành viên, Timexco đã sắp xếp lại nhân sự và đã bổ

nhiệm mới các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng bao gồm :

- ông Phan Thế Vĩnh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh để nhận nhiệm vụ Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thép TMC
- ông Đặng Quế Sơn, nguyên Trưởng Phòng Kinh doanh Xăng dầu được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
- ông Nguyễn Thanh Bình, nguyên Kế toán trưởng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tài chính Đầu tư
- ông Viên Thiên Khanh nguyên Phó Phòng Kế toán được bổ nhiệm làm Quyền Kế toán trưởng

Số lượng cán bộ nhân viên

- ✧ Tổng số lao động Công ty : 283 người, trong đó
 - Cán bộ quản lý doanh nghiệp : 09 người
 - Cán bộ quản lý khác : 16 người

- Công nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ, bảo vệ : 49 người
 - Công nhân viên trực tiếp kinh doanh : 209 người.
 - Số cán bộ nhân viên có trình độ Đại học và Cao đẳng là : 40 người.
- ✧ Tổ chức đảng, đoàn thể :
 - Đảng bộ: có 38 đảng viên
 - Đoàn thanh niên : có 55 đoàn viên thanh niên
 - Công đoàn: có 221 đoàn viên công đoàn

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty áp dụng các chế độ chính sách đối với Người lao động theo quy định của pháp luật và Luật lao động về thời gian làm việc, nghỉ ngơi, các chế độ bảo hiểm (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ...) theo quy định. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động Công ty 24/24.

Công ty luôn đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động, đặc biệt là tại những địa điểm kinh doanh trực tiếp, an toàn lao động được đưa lên hàng đầu. Tất cả người lao động đều được tham gia các khóa học về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Cơ sở vật chất tại nơi làm việc không ngừng được cải thiện, nâng cấp, trang thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo quy định. Cán bộ nhân viên Công ty được lựa chọn đưa đi đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn,

chính trị, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác cũng như chuẩn bị cho lực lượng kế thừa.

Công ty thực hiện ký kết Thỏa ước lao động tập thể và ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng. Các điều khoản trong Thỏa ước lao động và các phụ lục đều được đưa đến từng người lao động tham gia góp ý kiến một cách dân chủ trước khi ký kết. Công ty chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể như tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát hàng năm, kịp thời trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động. Trong năm 2010 đã tổ chức đi nghỉ mát tại Vũng Tàu, Nha Trang. Ngoài ra, Người lao động có thời gian làm việc 25 năm – nam 50 tuổi, nữ 45 tuổi được Công ty tổ chức tham quan du lịch tại Phú Quốc và Campuchia.

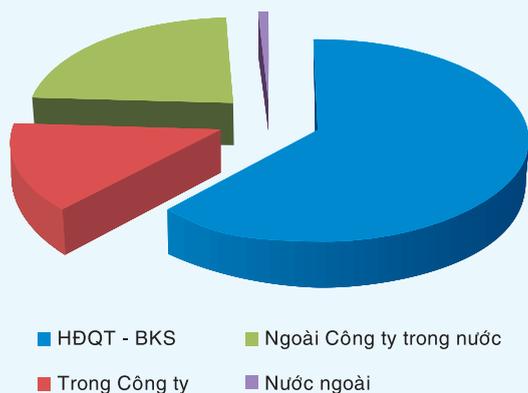
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ đông theo danh sách cổ đông ngày 08/12/2010

| STT | Cơ cấu | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
|-----------|--------------------------|-------------------|-----------|
| I | Cổ đông đặc biệt | | |
| 1 | Hội đồng quản trị | 4.921.540 | 61,52 |
| 2 | Ban Kiểm soát | 31.932 | 0,40 |
| II | Cổ đông khác | | |
| 1 | Trong Công ty | 1.134.022 | 14,18 |
| 2 | Ngoài Công ty trong nước | | |
| | a. Cá nhân | 1.563.495 | 19,54 |
| | b. Tổ chức | 277.946 | 3,47 |
| 3 | Cổ đông nước ngoài | | |
| | a. Cá nhân | 64.415 | 0,81 |
| | b. Tổ chức | 6.650 | 0,08 |

Biểu đồ cơ cấu cổ đông



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình hoạt động

Hội đồng Quản trị của Công ty có nhiệm kỳ 05 năm (2009 – 2014), gồm 05 thành viên, trong đó một Chủ tịch, một phó Chủ tịch và 03 ủy viên. Có ba thành viên độc lập, không điều hành. Có 02 thành viên thường trực theo dõi, giám sát hoạt động của các thành viên Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần, trong trường hợp giữa các phiên họp định kỳ có vấn đề đột xuất thì sẽ triệu tập cuộc họp bất thường hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Phiên họp tối thiểu có sự tham gia của 04 thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2010 đã có 04 phiên họp thường kỳ và 04 phiên họp bất thường theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết Hội đồng quản trị đều thông qua trên cơ sở đã được đưa ra bàn bạc thảo luận dân chủ và nhất trí cao. Trong năm Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành 09 Nghị quyết quan trọng về các vấn đề chiến lược kinh doanh, cổ tức và nhân sự Công ty.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị có sự tham dự của Ban Kiểm Soát để cùng nghe các thành viên Hội đồng Quản trị thảo luận các vấn đề

về kế hoạch và chiến lược kinh doanh Công ty nhưng không biểu quyết. Ngoài ra, các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cũng được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để trình bày, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và để phối hợp triển khai thực hiện các Nghị quyết được Hội đồng Quản trị thông qua.

Thù lao và tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2009 đã thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2010 với mức 2,5% lợi nhuận sau thuế và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2010 là 100.000.000đ cộng với 5% cho phần lợi nhuận vượt kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 21,835 tỷ đồng. Lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2010 là 585,641 triệu đồng. Trên cơ sở đó, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2010 là $21,835 \text{ tỷ đồng} \times 2,5\% = 545.800.000 \text{ đồng}$. Tiền thưởng của Hội đồng quản trị – Ban Kiểm soát năm 2009 là $100.000.000 \text{ đồng} + (585.641.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 129.200.000 \text{ đồng}$.



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ

Hoạt động của tổ chức Đảng

- **Công tác giáo dục chính trị tư tưởng :** Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo các chi bộ thi đua hoàn thành tốt các nhiệm vụ lập thành tích chào mừng đại hội đại biểu Đảng bộ Quận 9 và Đảng bộ Thành phố lần thứ IX 2010 – 2015 như treo băng rôn với các khẩu hiệu chào mừng Đại hội, tặng quà chúc mừng Đại hội, sinh hoạt tài liệu kỷ niệm 65 năm ngày Cách mạng Tháng 8 và Quốc Khánh 2/9. Sinh hoạt định kỳ mỗi tháng, các chi bộ còn sưu

tầm những mẫu chuyện viết về Bác Hồ để rút ra bài học kinh nghiệm.

- **Công tác tổ chức :** Hoàn thành 06 hồ sơ kết nạp Đảng gửi về Ban Tổ chức Quận ủy, Ban Thường vụ Quận ủy 9 đã quyết định kết nạp 05 Đảng viên ; chuyển sinh hoạt Đảng về địa phương cho 01 Đảng viên xin nghỉ việc. Đảng ủy Công ty đã triển khai kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm trong Đảng viên làm cơ sở để Đảng ủy đề xuất Ban Tổng Giám đốc bổ nhiệm cán bộ kế thừa.

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VÀ CHI ĐOÀN

- Vào dịp Tết Canh Dần đã cử CBNV Công ty tham gia Hội thi kết hoa mai tại phiên Chợ Xuân Quận 9, kết quả đạt giải khuyến khích.



- Ngoài ra, CBNV Công ty đã tham dự hội thao quốc phòng do BCH Quân Sự Quận 9 tổ chức.

- Đoàn thanh niên công ty cũng đã tham gia Giải bóng đá mini Cúp CNVC-LĐ Quận 9 lần thứ I

- Nhân ngày kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam, Ban chấp hành công đoàn Công ty đã tổ chức cho các đoàn viên Công đoàn thi *Tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, giai cấp công nhân và truyền thống Công đoàn Việt Nam*. Các tổ công đoàn đã nhiệt tình tham gia.

- Ngoài ra nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08-03, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20-10, Công đoàn được sự hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tổ chức cho CBNV Công ty nghe nói chuyện chuyên đề, các chị em phụ nữ được đi xem kịch, . . .

CÔNG TÁC XÃ HỘI

CÔNG TÁC XÃ HỘI

- Tập thể người lao động trong Công ty thời gian qua đã tích cực tham gia các công tác xã hội, cụ thể :

- Đóng góp Quỹ “Vì người nghèo” Quận 9 và Quận Thủ Đức: 208.000.000 đ

- Giúp đỡ đồng bào bị thiên tai : 45.400.000 đ và Quỹ “Vì Trường Sa thân yêu”: 10.000.000đ.

- Hiến máu nhân đạo : 73 ca

- Chăm lo gia đình diện chính sách và hỗ trợ người lao động công ty có hoàn cảnh khó khăn : 36.732.000 đ (trong đó, người lao động Công ty đóng góp 18.350.000 đ)

- Đóng góp Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh trao học bổng ngăn lưu ban, bỏ học và thưởng cho các cháu thiếu nhi là con của

CBNV Công ty có thành tích học tập giỏi, tiên tiến năm học 2009 – 2010 hai đợt tổng cộng : 24.350.000 đ



- Tặng quà cho 131 cháu thiếu nhi là con của CBNV Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1-6 và Tết Trung Thu với số tiền là: 28.000.000 đ
- Công đoàn Công ty đã chọn 06 em thiếu nhi là con người lao động Công ty có thành tích học tập khá – giỏi năm học 2009-2010 đi dự Trại hè Thanh Đa.
- Nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/7, Công đoàn đã kết hợp với Ban lãnh đạo

công ty tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách do Công ty đỡ đầu và người lao động là con liệt sĩ, thương bệnh binh đang làm việc tại Công ty.

- Nhân dịp Công ty đoạt Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2010, đoàn viên thanh niên Công ty đã tham gia buổi đi bộ hưởng ứng Chương trình xã hội Đi bộ diễu hành “Sao Vàng Đất Việt Vì trẻ thơ có hoàn cảnh khó khăn”. Cùng với việc tham gia buổi đi bộ, Công ty đã đóng góp cho Chương trình ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn số tiền 22.000.000 đồng.



HỆ THỐNG KINH DOANH

| ĐƠN VỊ | ĐỊA CHỈ | ĐIỆN THOẠI |
|---|---|---------------|
| THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | | |
| Trạm xăng dầu số 1 | 744 Kha Vạn Cân, P. Linh Đông, Quận Thủ Đức | 38.970.861 |
| Trạm xăng dầu số 3 | 228 Võ Văn Ngân, P. Trường Thọ, Quận Thủ Đức | 38.979.186 |
| Trạm xăng dầu số 4 | 236 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức | 38.972.451 |
| Trạm xăng dầu số 5 | 163A Lê Văn Việt, KP 3, Hiệp Phú, Quận 9 | 38.966.760 |
| Trạm xăng dầu số 6 | 740A Quốc lộ 52, Hiệp Phú, Quận 9 | 37.305.414 |
| Trạm xăng dầu số 7 | 77 Tô Ngọc Vân, P. Linh Tây, Quận Thủ Đức | 38.960.007 |
| Trạm xăng dầu số 9 | 22/12 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Tây, Quận 2 | 37.431.649 |
| Trạm XD Long Trường | 21 Nguyễn Duy Trinh, Long Trường, Quận 9 | 37.461.155 |
| Trạm XD Tăng Nhơn Phú | 392 Lê Văn Việt, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 | 37.305.244 |
| Trạm XD Long Bình | 90 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Quận 9 | 37.325.415 |
| Trạm XD Linh Xuân | 507A QL 1A KP 3, P. Linh Xuân, Quận Thủ Đức | 37.240.709 |
| Trạm XD Bình Thọ | 02 Đặng Văn Bi, Bình Thọ, Quận Thủ Đức | 37.233.470 |
| Cty TNHH MTV Thép TMC | 740A, Quốc lộ 52, P. Hiệp Phú, Quận 9 | 38.963.636 |
| - Cửa Hàng KD Sắt Thép Số 1 | 1106 Kha Vạn Cân, P. Linh Chiểu, Quận Thủ Đức | 38.968.204 |
| - Cửa Hàng VLXD 740A | 740A Quốc lộ 52, Hiệp Phú, Quận 9 | 37.305.064 |
| Cty TNHH MTV Ba Mươi Tháng Tư | 01 Dương Văn Cam, P. Linh Tây, Quận Thủ Đức | 38.962.186 |
| - Siêu thị Điện máy 30/4 | 01 Dương Văn Cam, P. Linh Tây, Quận Thủ Đức | 38.962.186 |
| Cửa hàng KD xe gắn máy | 719 - 721 Kha Vạn Cân, P. Linh Tây, Quận Thủ Đức | 38.971.517 |
| Cửa hàng KD VLXD Số 2 | 7/145 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Thủ Đức | 37.268.868 |
| Showroom Ôtô | 746 Kha Vạn Cân, P. Linh Đông, Quận Thủ Đức | 37.205.275 |
| Showroom VLXD Cao Cấp TMC | 38 Đặng Văn Bi, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức | |
| TỈNH BÌNH DƯƠNG | | |
| Trạm xăng dầu số 10 | 01/A Tổ 1, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Huyện Tân Uyên | 0650.3648.720 |
| Trạm xăng dầu số 11 | DT 743, ấp Bình Phước B, Xã Bình Chuẩn, H.Thuận An | 0650.3740.409 |
| TỈNH ĐỒNG NAI | | |
| Trạm xăng dầu số 14 | Tổ 9, Ấp Đồng, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa | 061.8838026 |
| TỈNH TIỀN GIANG | | |
| Trạm xăng dầu số 12 | 44/A 8 Quốc lộ 1A, ấp 8, Xã Trung An, TP Mỹ Tho | 073.3855.701 |
| TỈNH BÌNH THUẬN | | |
| Trạm xăng dầu số 18 | QL 1A, Thôn Phú Sơn, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam | 062.3898.777 |
| ĐƠN VỊ LIÊN KẾT | | |
| Công ty TNHH TM-DV Song Đức (Trạm xăng dầu số 2) | 139 B, Quốc lộ 1A, Khu Phố 5, P. Tam Bình, Quận Thủ Đức | 37.296.007 |
| Công ty TNHH Thương Mại DV 3/2 | 40/10 Đường Đoàn Công Hón, P. Trường Thọ, Quận Thủ Đức | 38.966.754 |



ISO 9001 : 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu - Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 38966819 - 37228220 * Fax: 38963210
Website: www.timexco.com.vn * Email: timexco@hcm.vnn.vn